



SIAM Brothers®
VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Chuyển mình
cùng công nghệ

*Vững một niềm tin
Bền cùng sóng gió*

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: òa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 912 889 - Fax: (028) 38 912 789

Website: www.siambrothersvn.com





SIAM Brothers[®]
VIET NAM

content

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

7

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

4-14

- 1- Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 2- Giới thiệu chung
 - Tổng quan
 - Quá trình hình thành và phát triển
 - Sản phẩm
 - Quá trình tăng vốn điều lệ
- 3- Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản trị
- 4- Các sự kiện nổi bật trong năm
- 5- 2018 Thông tin tài chính cơ bản

6-9

10

11

12-14

PHẦN II - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

15-19

1. Hội đồng quản trị
2. Ban giám đốc
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị
4. Báo cáo của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị
5. Báo cáo của Tiểu Ban Kiểm Toán

15-16

17

18

19

19

PHẦN III - BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

20-25

1. Tình hình thị trường ngư nghiệp
2. Các khoản đầu tư lớn

20-23

24-25

PHẦN IV - CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2019

26-27

PHẦN V - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

28-37

1. CSR
2. Hoạt động đào tạo, cải tiến
3. Quản trị rủi ro

30-31

32-33

34-37

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

38-45

Thông điệp

kiên định SBVN **nỗ lực** không ngừng nghỉ,
trên con đường hướng tới mục tiêu
“**Phát triển bền vững cùng 4.0**”



Kính thưa quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam, tôi xin kính gửi lời chào trân trọng đến Quý vị Cổ đông, Quý vị Khách hàng và các Đối tác thân thiết của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.

Kính Thưa Quý vị!

Đánh bắt cá từ xưa đã là một trong những hoạt động sản xuất kinh doanh, một ngành hoạt động kinh tế nằm trong tổng thể kinh tế – xã hội của loài người, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm cho nhân loại, không những thế nó còn là một ngành kinh tế tạo cơ hội công ăn việc làm cho nhiều lao động đặc biệt là ở vùng nông thôn và vùng ven biển.

Sản phẩm dây thừng của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam, với hai thương hiệu Con Gà và Hải Mã, là một công cụ không thể thiếu đối với các tàu đánh bắt cá, đặc biệt là đánh bắt cá xa bờ. Suốt hai mươi bốn năm qua, sản phẩm dây thừng của công ty luôn là sản phẩm đầu tiên xuất hiện trong tâm trí người tiêu dùng ngư lưới cụ, đã cùng vô số chuyến tàu ra khơi, mang về những khoang đầy ắp cá, mang về tiếng cười cho bao mái nhà, và cũng chứng kiến bao lần sóng gió, khó khăn của những người ngư dân.

Năm 2018 là một năm khó khăn như vậy, bởi những chuyến tàu xa khơi bị hạn chế vì tình hình mưa bão biển đổi thất thường, nguồn tài nguyên thủy sản khan hiếm, giá nguyên liệu tăng cao, các hoạt động đánh bắt cá phi pháp và thiếu hiểu biết vẫn còn chưa được kiểm soát chặt chẽ, sự thay đổi của khung pháp lý toàn cầu, v.v... Những khó khăn này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, cũng nhờ những khó khăn đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên công ty đã cùng nhau làm việc và đưa ra nhiều giải pháp để giải bài toán khó về tăng trưởng. Tuy kết quả không như mong đợi của cổ đông, nhưng

trong năm qua Công ty đã thành công trong việc tiếp cận với các thị trường xuất khẩu mới, đưa ra nhiều sản phẩm phù hợp với các thị trường khác nhau, đồng thời, Công ty cũng đã ký được hợp đồng cung cấp dây thừng nghiệp cho các đối tác lớn như Hoàng Anh Gia Lai, Huy Long An... Phần đóng góp của mảng dây thừng nghiệp chưa chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu, nhưng Ban Lãnh Đạo Công ty nhìn nhận đây là một lĩnh vực rất tiềm năng hỗ trợ công ty trong việc giảm thiểu rủi ro kinh doanh trong giai đoạn sắp tới.

Năm 2018 cũng là cột mốc đáng nhớ đánh dấu việc công ty thay đổi mô hình quản lý hướng đến việc áp dụng công nghệ vào việc quản lý điều hành. Sau khi dự án phần mềm quản lý doanh nghiệp (ERP) chính thức đi vào vận hành ngày 1/5/2018, trong những tháng cuối năm 2018, công ty tiếp tục cho triển khai dự án DMS, cùng với dự án tem điện tử sẽ giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản lý nhằm đáp ứng cao hơn mục tiêu quản lý hiệu quả và minh bạch.

Năm 2019 cũng sẽ là một năm đầy thách thức với

Công ty CP Siam Brothers VN khi thị trường đánh bắt thủy sản vẫn còn được nhận định là sẽ có nhiều thay đổi, và Công ty vẫn đang trong kế hoạch áp dụng thêm nhiều ứng dụng vào việc quản lý điều hành kinh doanh và sản xuất. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng với sự đồng lòng góp sức của toàn thể cán bộ công nhân viên, sự tin tưởng của khách hàng, sự hỗ trợ của quý cổ đông, Công ty sẽ hoàn thành những mục tiêu đặt ra trong năm 2019.

Một lần nữa, tôi thay mặt các thành viên HĐQT, xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác vì đã luôn đồng hành cùng Công ty, và xin cam kết tăng trưởng và phát triển công ty một cách bền vững nhất, mang đến lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác của Siam Brothers Việt Nam.

Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
VEERAPONG SAWATYANON

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

TẦM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

>> TẦM NHÌN

● TRỞ THÀNH CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC KỸ NGHỆ NHỰA PHỤC VỤ NGƯ NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM VÀ KHU VỰC, GẮN KẾT BỀN VỮNG VỚI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DÂN - NÔNG DÂN VIỆT NAM.

Khát vọng của chúng tôi là không ngừng cải thiện đời sống của cộng đồng ngư dân trên mọi phương diện và kiến tạo một tương lai ngày càng tươi sáng hơn. Tầm nhìn của chúng tôi là xây dựng lên một thành phố cảng cá với một cảng cá hiện đại, các nhà máy xử lý thủy hải sản có khả năng tiếp nhận ngay lượng sản phẩm vừa đánh bắt về và đóng góp giá trị vào ngành thủy hải sản, giúp những sản phẩm làm ra được quảng bá tại thị trường trong nước và quốc tế ở một mức giá cạnh tranh hơn. Thành phố cảng cá này cũng sẽ có các cơ sở hạ tầng thiết yếu khác như trường học, bệnh viện, khu trung tâm mua sắm. Tất cả những yếu tố trên sẽ cống hiến vào sự đổi mới và cải thiện dần đời sống của cộng đồng nghề cá và cán bộ công nhân viên của Công ty.

>> SỨ MỆNH

● CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM PHỤC VỤ NGƯ NGHIỆP - NÔNG NGHIỆP VỚI TIÊU CHUẨN TOÀN CẦU

● XÂY DỰNG HỆ THỐNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI BỀN VỮNG

Sứ mệnh của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam là trở thành nhà cung cấp hàng đầu đối với các công cụ sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản ở khu vực ASEAN. Là một nhà cung cấp hàng đầu đồng nghĩa với việc chúng tôi phải đạt được hiệu quả hoạt động xuất sắc, mang đến mức độ hài lòng của khách hàng cao nhất trong ngành bằng cách cung cấp những sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chất lượng cao theo những phương thức sáng tạo và sinh lợi nhất, ngoài ra còn là hiệu quả hoạt động tài chính cao nhất và xây dựng được giá trị cao nhất cho cổ đông, đồng thời xây dựng một môi trường làm việc năng động và đầy thách thức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của mình.



>> GIÁ TRỊ CỐT LÕI

● CÔNG TY SIAM BROTHERS LÀ NHÀ TIỀN PHONG TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHỮNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DÂN VÀ NÔNG DÂN VIỆT NAM, TRÊN NỀN TẢNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI 4.0.

Hài hòa quyền lợi của ngư dân - nông dân, nhà máy, khách hàng và địa phương, cung cấp sản phẩm với tiêu chuẩn TOÀN CẦU và mang lại GIÁ TRỊ cho khách hàng, quản trị ĐƯỢC rủi ro, tăng trưởng CAO HƠN bình quân Ngành, và cung cấp năng lượng TÁI TẠO cho đất nước.

GIỚI THIỆU CHUNG



SIAM Brothers®
VIET NAM

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Tên giao dịch đối ngoại: SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: SBVN
Mã chứng khoán: SBV
Địa chỉ: Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38 912 889
Fax: (028) 38 912 789
Website: www.siambrothersvn.com
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Mã số doanh nghiệp 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 07/07/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/1/2018



>> NGÀNH NGHỀ KINH DOANH TRONG GIẤY PHÉP

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bền dùng trong nông, ngư nghiệp.	1324
2	Sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp.	2220
3	Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính.	6201
4	Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS (theo quy định của Biểu Thuế Xuất khẩu - Nhập khẩu) như sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp: 5608, 5607, 8539, 8421, 8418, 3916, 3926, 3208; các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803.	4699

>> VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP

273.664.760.000 VNĐ

(Hai trăm bảy mươi ba tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

>> CÁC CHỮ VIẾT TẮT

SBVN: Siam Brothers Việt Nam
HĐQT: Hội đồng quản trị
BGĐ: Ban Giám đốc
TGD: Tổng Giám đốc
HC-NS: Hành chính - Nhân sự
KHKT: Khoa học kỹ thuật
CNTT: Công nghệ thông tin
CBCNV: Cán bộ công nhân viên
HOSE: Sân giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
BCTN: Báo cáo thường niên
CSR: Corporate Social Responsibility
IUU: Illegal, Unreported, and Unregulated fishing
ERP: Enterprise Resource Planning
DMS: Distribution Management System

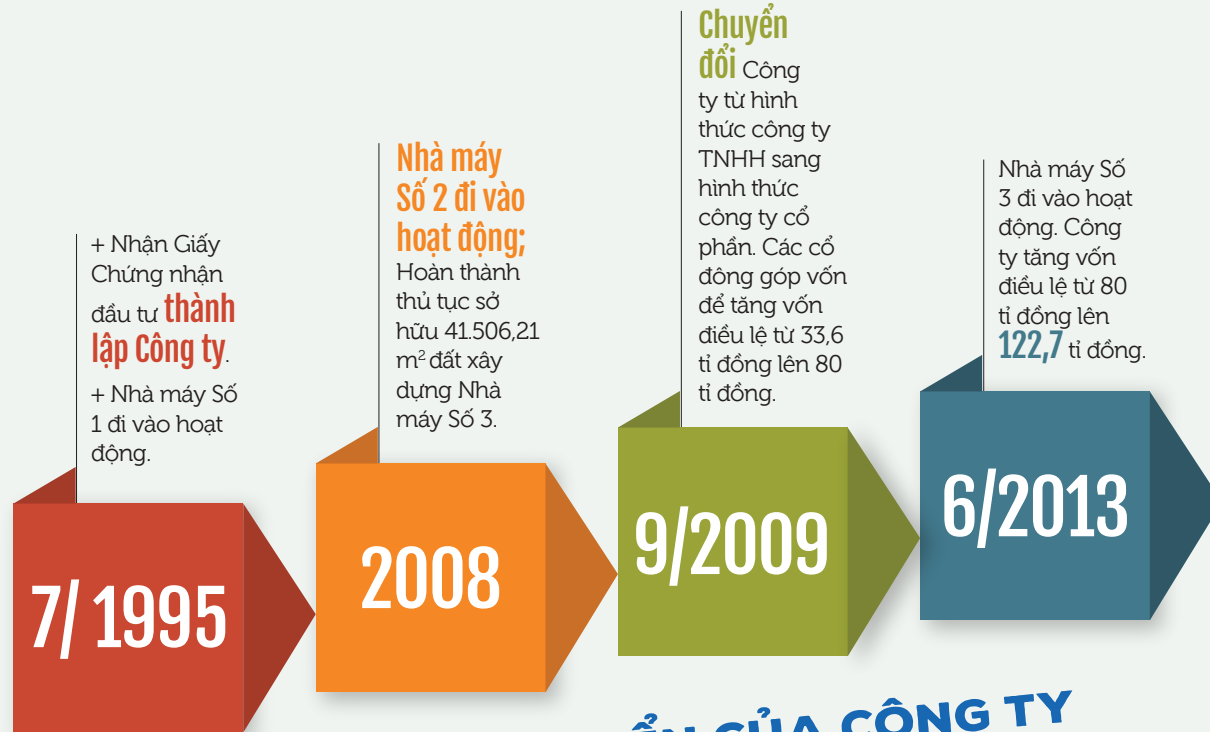
>> QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Siam Brothers Việt Nam, được thành lập năm 1995 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp ngày 18 tháng 07 năm 1995, với 100% vốn đầu tư của Công ty Siam Brothers Group - Thái Lan. Siam Brothers Group là nhà sản xuất hàng đầu về ngư lưới cụ tại Thái Lan, với gần 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất dây thừng, lưới đánh cá phục vụ cho ngành đánh bắt thủy, hải sản, vận tải biển, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp...

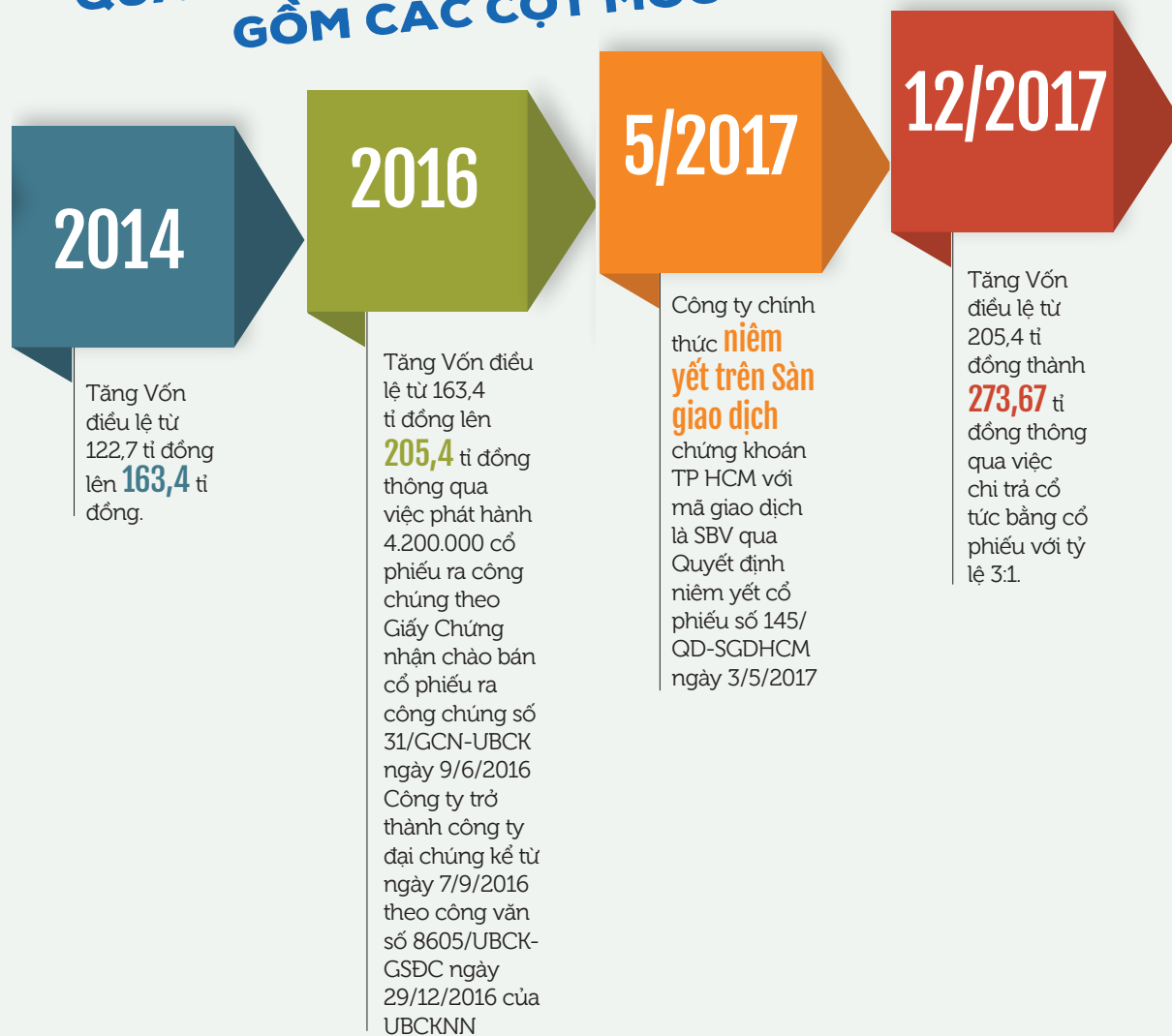
Sau chặng đường hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan. Sản phẩm của Công ty được khách đánh giá cao và ngày càng ưa chuộng. Công ty có ba nhà máy đang hoạt động với tổng công suất trên 10.000 tấn sản phẩm một năm, được trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại nhất được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ và Thái Lan. Nhà máy thứ tư đang trong quá trình hoàn thiện để đưa vào hoạt động với công suất thiết kế của toàn nhà máy mới là 4.000 tấn, nâng tổng công suất của toàn công ty lên đến 14.000 tấn từ giữa năm 2018. Hiện nay, Công ty là nhà sản xuất và cung cấp dây thừng đánh bắt cá hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang các mảng tiềm năng khác của nền kinh tế như nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản.

>> TÌNH HÌNH NHÂN SỰ CÔNG TY

S TT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỈ TRỌNG (%)
I	Theo trình độ lao động	569	100%
1	Trên Đại học	3	0.53%
2	Trình độ Đại học	123	21.62%
3	Trình độ Cao đẳng,	59	10.37%
4	Trung cấp chuyên nghiệp	59	10.37%
5	Lao động phổ thông	325	57.12%
II	Theo hợp đồng lao động	569	100%
1	Toàn thời gian	569	100.00%
2	Bán thời gian	0	0.00%
III	Theo giới tính	569	100%
1	Nam	407	71.53%
2	Nữ	162	28.47%



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY GỒM CÁC CỘT MỐC CHÍNH



» SẢN PHẨM

Ngày nay, không còn nghi ngờ gì nữa khi thương hiệu "Con gà" của chúng tôi đã được nhận biết một cách mạnh mẽ trong thị trường nội địa, đặc biệt đối với những người sử dụng cuối cùng là ngư dân và các chủ tàu. Để giúp thương hiệu "Con Gà" ngày càng mạnh mẽ hơn, SBVN tiếp tục đầu tư nguồn lực marketing của mình để xây dựng xây dựng mối liên hệ "tình thân" gắn kết hơn bằng cách tận dụng mạng lưới các nhà phân phối và cửa hàng bán lẻ rộng khắp đất nước. Chiến lược xây dựng thương hiệu toàn diện vẫn tiếp tục duy trì và tập trung vào khẩu hiệu "chất lượng đáng tin cậy", và tận dụng mọi hoạt động truyền thông để tạo ra niềm tin của khách hàng vào chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh thương hiệu Con Gà quen thuộc, nhằm mở rộng phân khúc khách hàng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của ngư dân, SBVN còn phát triển thêm thương hiệu Hải Mã để phục vụ các chuyến tàu gần bờ và nhắm vào phân khúc khách hàng tầm trung với mức giá hợp lý hơn so với thương hiệu Con Gà.



» QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Công ty định hướng và phấn đấu để trở thành nhà sản xuất và cung cấp các sản phẩm với chất lượng tốt nhất, phục vụ cho ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, vận tải biển, công nghiệp và nông nghiệp hàng đầu tại Đông Nam Á. Công ty được thành lập năm 1995, đăng ký hoạt động với số vốn đầu tư là 6.097.000 USD, trong đó Vốn pháp định là 2.000.000 USD. Đến tháng 7/2008, Công ty đã thực hiện đăng ký lại doanh nghiệp và được UBND TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu với Vốn điều

lệ là 33.600.000.000 đồng (tương đương 2.100.000 USD). Công ty đã thực hiện chuyển đổi Công ty từ hình thức TNHH thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 80 tỉ đồng (4.480.000 USD) vào tháng 9/2009. Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 122.700.000.000 đồng (6.513.333 USD) vào tháng 6/2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 do UBND TP. HCM cấp ngày 3/6/2013. Năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 163,4 tỉ đồng. Năm 2016, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 205,4 tỉ đồng. Năm 2017, công ty thực hiện tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên thành 273.664.760.000 đồng. Công ty đã thực hiện 7 đợt tăng vốn kể từ khi đăng ký chuyển đổi thành công ty cổ phần.

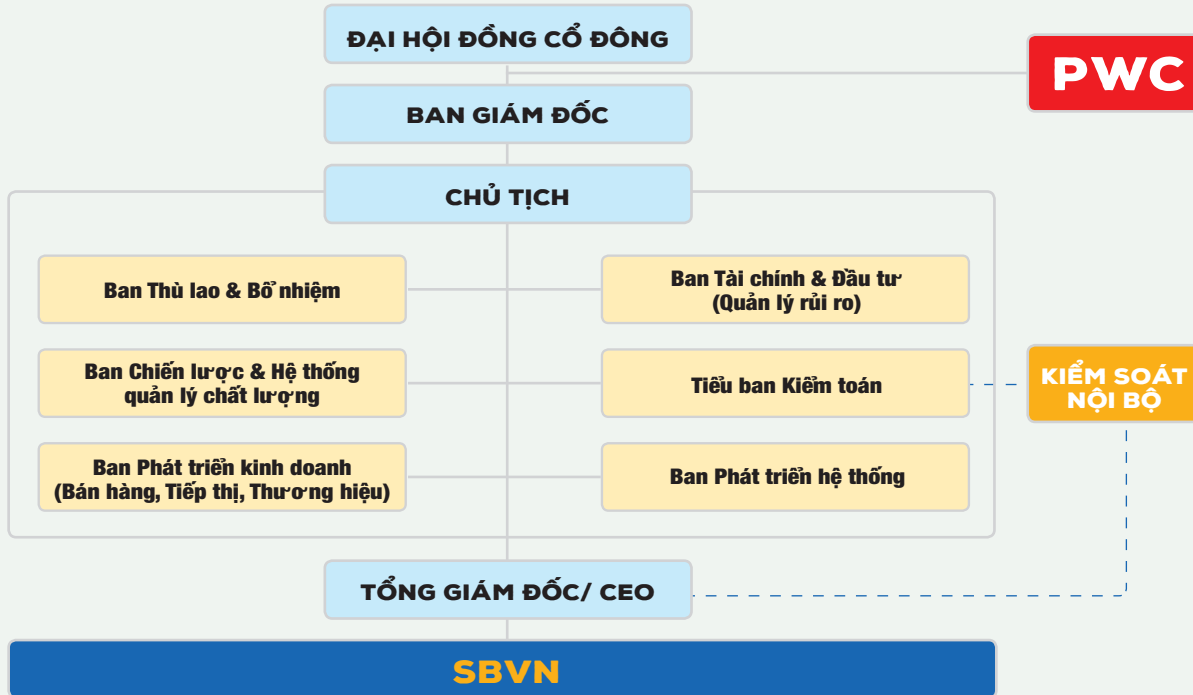
QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

Thời điểm tăng vốn	VỐN ĐIỀU LỆ (TỈ ĐỒNG)			HÌNH THỨC TĂNG	ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT/CẤP
	Trước khi tăng	Tăng thêm	Sau khi tăng		
Tháng 7/1995				Thành lập Công ty với vốn pháp định là 2.000.000 USD	Ủy Ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư
Tháng 7/2008			33,6	Đăng ký lại doanh nghiệp	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu)
Tháng 9/2009	33,6	46,4	80,0	Chuyển đổi doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, góp thêm vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới.	UBND TP. HCM (Giấy Chứng nhận đầu tư số 411033000030 ngày 08/09/2009)
Tháng 6/2013	80,0	42,7	122,7	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 ngày 3/6/2013)
Tháng 6/2015	122,7	40,7	163,4	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 theo tỉ lệ 3:1.	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 5 ngày 30/6/2015)
Tháng 9/2016	163,4	42	205,4	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 09/06/2016 của UBCKNN
Tháng 12/2017	205,4	68,26	273,66	Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2017 theo tỉ lệ 3:1.	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 9 ngày 22/01/2018)

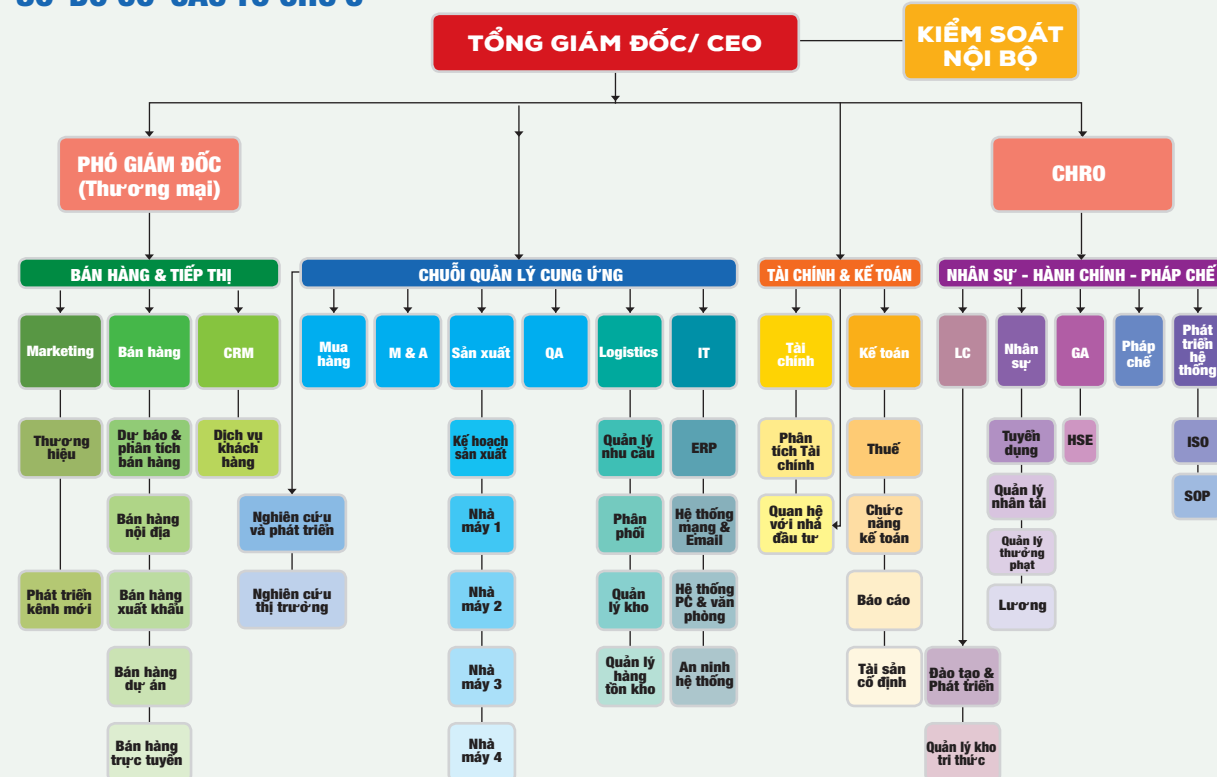
» CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan. Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình dưới đây:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



» CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2018

5/2018

Năm 2018 là một năm đáng nhớ của SBVN khi triển khai ứng dụng KHCN vào hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh. Ngày 2/5/2018, hệ thống ERP của Công ty chính thức Go-live sau 9 tháng triển khai, chuyển đổi toàn bộ hệ thống sản xuất kinh doanh thành định dạng số, trên nền tảng đám mây (Cloud) của Oracle - một đối tác uy tín toàn cầu của nhiều doanh nghiệp. Với khoản đầu tư lớn này, hiệu quả quản trị được nâng cao vượt trội khi công tác quản lý và báo cáo được rút ngắn thời gian triệt để, đem đến một cách nhìn tức thời cho HDQT công ty nhằm đưa ra những quyết sách phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tại.



Ông Frank Fan chụp hình cùng đại diện Công ty Oracle tại Việt Nam trong buổi lễ Go-live hệ thống ERP

3/2018

Ngoài ra, các nỗ lực của Công ty cũng đã được ghi nhận xứng đáng không chỉ ở thị trường nội địa mà còn vươn đến tầm khu vực. Bên cạnh chất lượng sản phẩm vượt trội được công nhận qua Chứng nhận Thương hiệu mạnh ASEAN 2018 và Sản phẩm dịch vụ chất lượng cao ASEAN, các cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty cũng được công nhận qua Bằng khen Nhà lãnh đạo tiêu biểu ASEAN 2018 dành cho Chủ tịch Veerapong Sawatyanon và Phó Chủ tịch Ngô Từ Đông Khanh. Giải thưởng tám khu vực này đã được tổ chức trao tặng tại Singapore vào tháng 3/2018.



Chủ tịch và Phó Chủ tịch nhận bằng khen tại Singapore

11/2018

Về mặt hệ thống doanh nghiệp, tại Đại hội cổ đông bất thường tổ chức vào tháng 11/2018, công ty đã đề xuất và được sự chấp thuận của Đại hội cổ đông để ngừng hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam nhằm tinh gọn hệ thống, hỗ trợ tối ưu cho hiệu quả quản trị.



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	2013	2014	2015	2016	2017	2018
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: Tỷ đồng)						
Doanh thu	367	374	462	503	525	470
Doanh thu thuần	367	373	461	503	524	469
Lợi nhuận gộp	105	106	156	211	221	173
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45	52	87	122	129	62
Lợi nhuận trước thuế	45	53	85	124	129	62
Lợi nhuận sau thuế	39	43	82	107	113	52
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: Tỷ đồng)						
Tài sản ngắn hạn	211	207	285	469	401	428
Tài sản dài hạn	160	177	164	148	211	263
Tổng tài sản	372	385	450	617	612	692
Nợ phải trả	190	176	229	194	152	225
Vốn điều lệ	122.7	163.4	163.4	205.4	273.6	273.6
Vốn chủ sở hữu	182	208	221	423	458	467
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH CUỐI KỲ (ĐVT: Cổ phiếu)	12.270.000	16.340.000	16.340.000	16.340.000	27.366.476	27.366.476
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (ĐVT: VNĐ)	3209	2847	5047	5754	5199	1819

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	DVT	2017	2018	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	612	692	13.07%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	524	469	-10.50%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	129	62	-51.94%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	113	52	-53.98%

CHỈ TIÊU	DVT	2017	2018	%TĂNG/ GIẢM
1. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.6	1.93	-26%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2.05	1.13	-45%
2. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN				
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0.25	0.33	30%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0.34	0.48	43%
3. CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6.29	3.44	-45%
Vòng quay khoản phải thu	Lần	2.9	2.77	-5%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.85	0.68	-20%
4. CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	21.50%	11.12%	-48%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	24.60%	11.19%	-55%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	18.40%	7.55%	-59%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	24.60%	13.32%	-46%

HỆ SỐ THANH TOÁN NGẮN HẠN:

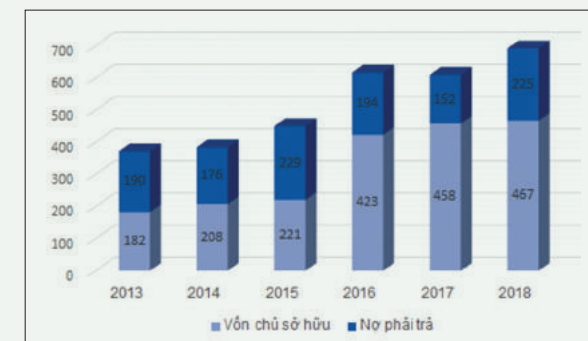
Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty qua nhiều năm được kiểm soát rất chặt chẽ và đều duy trì ở mức tốt, trên 1 lần. Năm 2018 chỉ số này có sự sụt giảm so với năm 2017 tuy nhiên vẫn vượt ngưỡng an toàn theo thông lệ quốc tế. Hoạt động kiểm soát vốn lưu động vẫn được Công ty chú trọng quản lý hiệu quả, thông qua việc kiểm soát tốt công nợ và quản lý khoản phải thu, phải trả chặt chẽ. Dòng tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng tháng 9/2017 đã được Công ty sử dụng trong năm 2018 cũng đã giúp Công ty giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính do phải đầu tư vào nhà máy mới.

HỆ SỐ THANH TOÁN NHANH:

Nguồn vốn từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được sử dụng làm giảm quỹ tiền mặt dẫn đến hệ số thanh toán nhanh có sự sụt giảm so với năm 2017

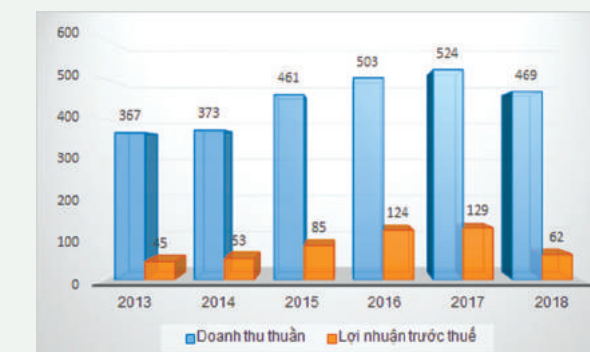
HỆ SỐ NỢ/TỔNG TÀI SẢN & HỆ SỐ NỢ/VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Các chỉ số tài chính liên quan đến việc sử dụng đòn bẩy tài chính được kiểm soát và duy trì ở mức an toàn năm 2018. Hệ số nợ/Tổng tài sản đạt 0.33 lần và chỉ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 0.48 lần. Công ty luôn chú trọng đảm bảo cấu trúc vốn đầu tư an toàn, trả nợ đúng hạn, giữ uy tín tốt với các tổ chức tín dụng, sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu phát triển của Công ty.



VÒNG QUAY HÀNG TỒN KHO:

So với năm 2017, vòng quay hàng tồn kho của Công ty có giảm khoảng 45% do trong năm 2018, giá nguyên vật liệu cuối năm có sự biến động giảm, Công ty tiến hành trữ nguyên vật liệu cho sản xuất những tháng đầu năm 2019, dẫn đến lượng hàng tồn kho nhiều hơn mức trung bình.

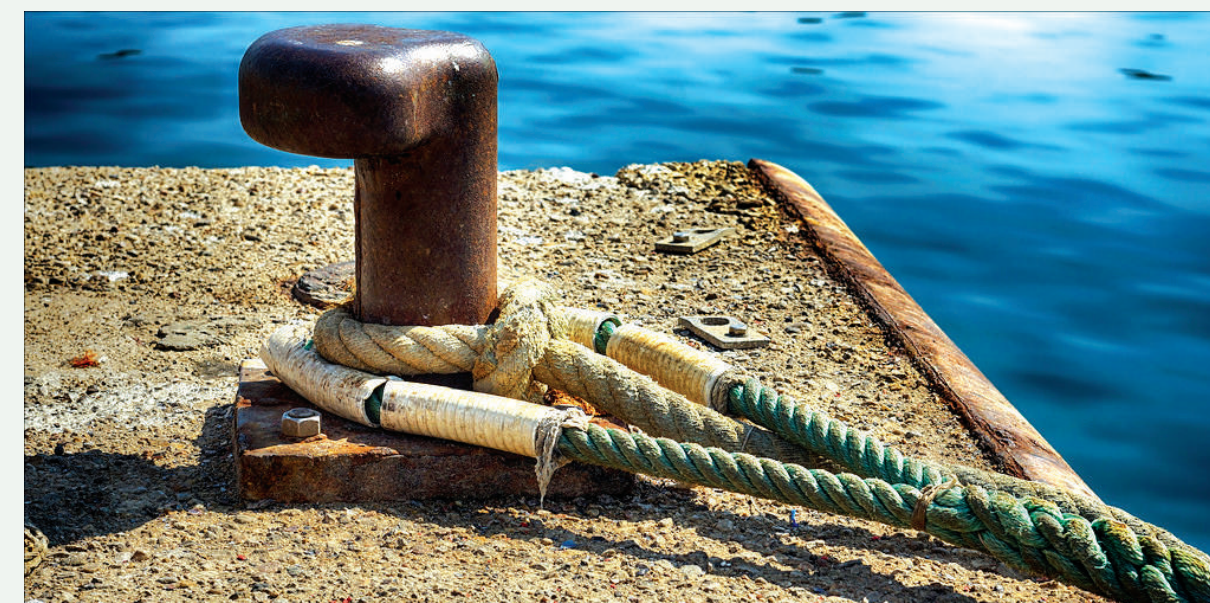


DOANH THU THUẦN/TỔNG TÀI SẢN:

Năm 2018 là năm khó khăn đối với thị trường ngư nghiệp, sản lượng đánh bắt có sự sụt giảm nhất định. Công ty cũng đã có định hướng tăng xuất khẩu để bù đắp cho phần sụt giảm sản lượng ở thị trường nội địa, tuy nhiên do giá bán thị trường xuất khẩu thấp hơn thị trường nội địa, và sản lượng xuất khẩu tăng không bù đắp được phần giảm từ thị trường nội địa nên doanh thu năm 2018 giảm so với 2017 và chỉ số doanh thu thuần/tổng tài sản giảm 20%

HỆ SỐ LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH/DOANH THU THUẦN & HỆ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ/DOANH THU THUẦN:

Năm 2018, các chỉ tiêu sinh lời như Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần & Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đều tăng so với năm 2017. Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần năm 2018 đạt 13.3%, giảm 46% so với 2017. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần năm 2018 đạt 11%, giảm 48% so với năm 2017. Ngoài yếu tố thị trường ngư nghiệp gặp khó khăn



ảnh hưởng đến sản lượng bán hàng, Công ty còn đối mặt với sự tăng giá của nguyên vật liệu sản xuất và chi phí quản lý tăng do chi phí đầu tư triển khai hệ thống ERP. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì tốt các giải pháp tối ưu hóa và cắt giảm chi phí của Công ty. Cụ thể, tỷ lệ phế phẩm trong sản xuất tiếp tục giảm, chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, qua đó góp phần nâng cao năng suất sản xuất bình quân đầu người. Công ty cũng tiến hành quản lý chi phí chặt chẽ, cắt giảm chi phí tiếp khách, hội họp, quà tặng, sử dụng máy bay giá rẻ khi đi công tác, chính sách mua hàng linh hoạt để có được giá tốt nhất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2018	2017	2016
Tổng tài sản	Tỷ đồng	692	612	617
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	428	401	469
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	263	211	148
Nợ phải trả	Tỷ đồng	225	154	194
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	222	151	187
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	3	2.3	6.8

TÀI SẢN NGẮN HẠN

Tài sản ngắn hạn năm 2018 của Siam Brothers là 428 tỷ đồng, tăng 27 tỷ so với năm 2017, do lượng hàng tồn kho tăng mạnh 103%. Khoản mục chính là tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 13%, phải thu khách hàng chiếm 44%, hàng tồn kho chiếm 27%.

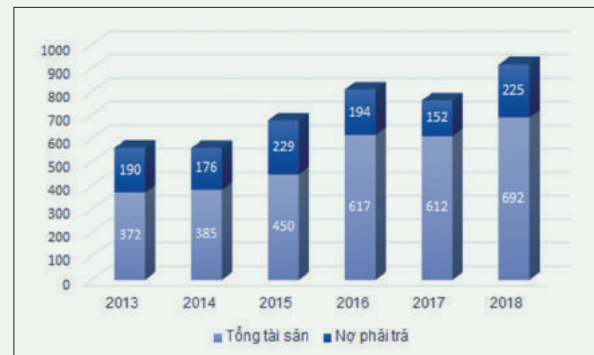


TÀI SẢN DÀI HẠN

Tài sản dài hạn cuối năm 2018 của Siam Brothers VN là 263 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định chiếm trên 55%, chủ yếu là các máy móc và nhà xưởng đang phục vụ sản xuất, đặc biệt là các tài sản liên quan đến nhà máy số 4 vừa mới hoàn thành đưa vào sử dụng.

NỢ PHẢI TRẢ

Tổng Nợ phải trả của Siam Brothers VN tính đến thời điểm 31/12/2018 là 225 tỷ đồng, trong đó nợ vay (ngắn hạn và dài hạn) là 117 tỷ đồng. Nợ vay năm 2018 tăng mạnh so với năm 2017 do nguồn tiền từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng đã được sử dụng hết, và dư nợ ngắn hạn cuối năm 2018 tăng để đáp ứng nhu cầu trữ hạt nhựa sản xuất. Tuy nhiên, Công ty luôn áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro, giám sát chặt chẽ các khoản công nợ, đánh giá và phân tích khả năng thanh toán nợ đảm bảo tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu luôn đạt ngưỡng an toàn.



PHẦN II

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG VEERAPONG SAWATYANON (Chủ tịch HĐQT)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Kỹ sư
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:
1995 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN.
- CHỨC VỤ HIỆN NAY Ở CÔNG TY: Chủ tịch HĐQT.
- CHỨC VỤ Ở TỔ CHỨC KHÁC:
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu Tư Thông Minh.



2

BÀ NGÔ TỬ ĐÔNG KHANH (Phó Chủ tịch HĐQT)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Cử nhân
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:
+ 1995 - nay: Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông Công ty CP Siam Brothers VN
+ 03/2016 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam
+ 08/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD
+ 02/2018 - nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN
- CHỨC VỤ HIỆN NAY Ở CÔNG TY:
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông.
- CHỨC VỤ Ở TỔ CHỨC KHÁC:
+ Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam;
+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD
+ Giám đốc Công ty TNHH ITMS Việt Nam
+ Giám đốc Công ty TNHH TM DV Quảng cáo và Du lịch Đông Dương



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (T.T)

3

**ÔNG ITTHAPAT SAWATYANON**
(Thành viên HĐQT)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Kỹ sư
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 1995 - 06/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN. + 06/2015 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN.
- CHỨC VỤ HIỆN NAY Ở CÔNG TY: Thành viên HĐQT.

4

**ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG HẢI**
(Thành viên HĐQT)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 1998 - 2001: Quản lý Sản xuất - Công ty Nec/Tokin VN + 2001-2008: Quản lý Nhà máy (Nhà máy Ba Vi) - Công ty Nestle VN + 2008-2010: Quản lý Sản xuất - Công ty Intel Products Việt Nam + 2010 - nay: Phó Chủ tịch - Chuỗi cung ứng & Sản xuất - Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường và Giám đốc điều hành - Công ty Cổ phần Hiệp Phú + 2014 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers VN.
- CHỨC VỤ HIỆN NAY Ở CÔNG TY: Thành viên HĐQT.

5

**ÔNG LÊ PHỤNG HÀO**
(Thành viên HĐQT)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 1991 - 2003: Thành viên Hội đồng thành viên, Phó TGD Công ty SXHTD Bình Tiên (BITIS) + 2003 - 2010: Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Kinh Đô (KDC) + 2009 - 2014: Thành viên HĐQT độc lập và cố vấn Chủ tịch HĐQT tập đoàn Hoa Sen + 2010 - nay: Chủ tịch hội Marketing Việt Nam (VMA) + 2014- nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
- CHỨC VỤ HIỆN NAY Ở CÔNG TY: Thành viên HĐQT.

6

**ÔNG HUỲNH TIẾN VIỆT**
(Thành viên HĐQT)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Kỹ sư
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 1994 - 1996: Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp Công ty Đức Thành, Q. Gò Vấp, TP HCM. + 1996 -2014: Giám đốc kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Việt Nam + 2014 - nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Đầu tư Thông Minh
- CHỨC VỤ HIỆN NAY Ở CÔNG TY: Thành viên HĐQT.

7

**ÔNG LÊ TRẦN ANH TUẤN**
(Thành viên HĐQT)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Cử nhân
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 1996 - 2000: Trợ lý Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam + 2001-2013: Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam + 2014 - nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Siam Brothers VN
- CHỨC VỤ HIỆN NAY Ở CÔNG TY: Thành viên HĐQT.

» BAN GIÁM ĐỐC

1

**ÔNG FAN WENG KEE**
(Tổng Giám đốc)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Kỹ sư
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 2015 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP Siam Brothers Việt Nam. + 2011 - 2015: Giám đốc Công ty Thai Union Frozen Group PCL (TUF). + 2010 - 2011: Giám Đốc Công ty Hong Huat. + 2006 - 2008: Phó Chủ tịch, Asian Sales & Marketing- Philipps Seafood, Hoa Kỳ + 2000 - 2006: Phó Chủ tịch, Pataya Foods Industries, Thái Lan + 1997 - 1999: Giám đốc thị trường quốc gia & Trưởng đại diện, Kodak Việt Nam

2

**ÔNG TRẦN THANH LONG**
(Phó Giám đốc thương mại)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Kỹ sư
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 2016 - nay: Phó Giám đốc thương mại Công ty CP Siam Brothers Vietnam + 2012 - 2016: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Vietnam + 2010 - 2012: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty xi măng Công thanh. + 2007 - 2010: Giám đốc kinh doanh công ty TNHH Gạch men Vicera. + 2005 - 2007: Trưởng VPDD Gold Success Industries tại Vietnam. + 2002 - 2005: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia.

3

**ÔNG NGUYỄN ĐỨC HUY**
(Giám đốc sản xuất)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Kỹ sư
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 2015 - nay: Giám đốc sản xuất tại Công ty CP Siam Brothers VN. + 2001 - 2013: Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Maruel Vietnam. + 1997 - 1999: Kỹ sư tại Công ty TNHH Phân bón miền Nam.

4

**BÀ ĐẶNG THỊ MỸ KIM**
(Kế toán trưởng)

- TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN: Kỹ sư
- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC: + 2000 - 2003: Kế toán viên tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách. + 2003 - 2008: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách. + 2008 - nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Nhất Phát + 05/2016 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Siam Brothers Việt Nam

» BÁO CÁO HĐQT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 09 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 bầu và bầu bổ sung trong năm 2016. Trong năm 2018, HĐQT có nhiều sự thay đổi khi có 2 thành viên từ nhiệm. Tuy nhiên, HĐQT vẫn duy trì các cuộc họp hàng quý

nhằm kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Số lượng và tỷ lệ tham dự các phiên họp của HĐQT của các thành viên HĐQT cũng như nội dung các cuộc họp của HĐQT trong năm được tóm tắt như sau:

NGÀY	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CHÍNH
09/01/2018	87.5%	Thông qua việc thành lập văn phòng đại diện Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
07/02/2018	88.8%	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2017, kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các nội dung của DHCD thường niên, thông qua giao dịch với các bên liên quan
14/03/2018	100%	Thông qua việc giảm hạn mức hợp đồng kí kết với Công ty Nghĩa Thái và nhận bảo lãnh tài sản cho hợp đồng kí với Công ty Nghĩa Thái
10/04/2018	100%	Thông qua kết quả kinh doanh quý 1 và kế hoạch kinh doanh quý 2 năm 2018
13/06/2018	100%	Thông qua kết quả kinh doanh tháng 4 và 5, kế hoạch di dời và xây dựng nhà máy mới, mở rộng nhà máy số 2
19/07/2018	100%	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn
24/07/2018	100%	Thông qua kết quả kinh doanh Quý 2 và xem xét vấn đề thuế
04/09/2018	85.7%	Thông qua kết quả kinh doanh nửa đầu năm, cập nhật tình hình ERP và kiểm toán nội bộ
15/09/2018	100%	Thông qua việc đầu tư tài sản qua hình thức bán và thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh TPHCM
19/09/2018	100%	Thông qua việc điều chỉnh diện tích sử dụng đất tại Nhà máy số 3
01/10/2018	71.4%	Thông qua khoản vay, hợp đồng cho vay với Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh 1 TPHCM
12/12/2018	100%	Thông qua việc không gia hạn hợp đồng lao động Tổng Giám đốc

» BÁO CÁO CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIỂU BAN NHÂN SỰ bổ nhiệm và lương thưởng: trong năm 2018, Tiểu ban Nhân sự, bổ nhiệm và lương thưởng đã tích cực hoạt động và đóng góp ý kiến về mặt thay đổi cơ cấu tổ chức công ty, thay đổi và bổ sung các chức vụ chủ chốt trong Ban Giám đốc và các phòng ban phục vụ chuỗi cung ứng nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Tiểu ban cũng đã đề xuất ý kiến tham khảo và tiếp thu thông lệ tốt của các doanh nghiệp lớn và áp dụng tại Công ty bằng cách dự thảo bộ Quy chế điều hành và Quy tắc ứng xử, thống nhất và chuẩn hóa từng hoạt động nội bộ, nhất quán cách thức hành xử, hoạt động và vận hành của toàn bộ hệ thống.

TIỂU BAN TÀI CHÍNH phối hợp cùng **TIỂU BAN CHIẾN**

LƯỢC & QMS trong việc tăng cường kiểm soát chi phí, xác định các khoản cắt giảm cần thiết để nâng cao hiệu quả tài chính của công ty, đồng thời cân đối dòng tiền và sử dụng vốn hiệu quả.

TIỂU BAN PHÁT TRIỂN KINH DOANH, TIỂU BAN PR & KSNB và **QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP** đã phối hợp xây dựng Quy chế quản trị doanh nghiệp theo yêu cầu của pháp luật và giao nhân viên chuyên trách thực hiện và theo dõi việc thực hiện quy chế tại doanh nghiệp.

TIỂU BAN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG phối hợp cùng Tiểu ban Tài chính trong việc giám sát triển khai phần mềm ERP và DMS, cũng như phân bổ nhân sự phụ trách cho từng dự án, đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ, phục vụ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

» BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 24/4/2018 Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (Công ty) áp dụng mô hình có HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS). Từ ngày 24/4/2018, Công ty áp dụng mô hình Tiểu ban kiểm toán (trực thuộc HĐQT) theo Luật Doanh nghiệp năm 2014.

THÀNH PHẦN TIỂU BAN KIỂM TOÁN:

- Ông Lê Phụng Hào, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Trưởng ban
- Ông Veerapong Sawatyanon - Thành viên
- Ông Hoàng Tường Hoàng - Thành viên
- Bà Trần Ngọc Diễm Quỳnh - Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN:

• Tham gia trực tiếp trong các buổi họp của Hội đồng quản trị nhằm giám sát hoạt động của HĐQT, đảm bảo tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, xem xét các nội dung liên quan và đóng góp ý kiến.

• Giám sát tình hình hoạt động và báo cáo tài chính: tham gia trực tiếp vào việc xem xét báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý và báo cáo năm nhằm chỉ ra các điểm sai sót, chưa phù hợp và đóng góp ý kiến cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp dựa trên kết quả báo cáo.

• Phối hợp cùng Kiểm toán độc lập tra soát các hạng mục chi phí cần sự lưu ý cao như chi phí khuyến mãi, chi phí bán hàng, quản lý trang thiết bị.

• Phối hợp tổ chức kiểm kê hàng hóa, chuẩn bị số liệu cho ERP.

• Thực hiện tư vấn cải tiến và xây dựng các quy trình làm việc phù hợp cho doanh nghiệp, đóng góp ý kiến vào việc triển khai sử dụng ERP tại Công ty.

• Thực hiện đào tạo, phân bổ công việc hợp lý cho nhân viên Kiểm soát nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tăng giá trị gia tăng cho hoạt động phòng ban.

• Phối hợp với Tổng Giám đốc trong việc khoanh vùng các rủi ro, đặc biệt là rủi ro kiểm soát chi phí, và phối hợp thực hiện kiểm soát, cắt giảm rủi ro thông qua việc kiểm

soát các hoạt động phát sinh nhiều chi phí và trọng yếu trong hệ thống sản xuất kinh doanh.

• Phối hợp tổ chức tái sắp xếp kho bãi, quản lý hàng hóa.

Ý KIẾN/KIẾN NGHỊ CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN:

• Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện tốt hoạt động giám sát và luôn hỗ trợ hiệu quả Ban Giám Đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

• Công ty hiện tại đang có hệ thống quy trình và hướng dẫn thực hiện công việc đầy đủ, tuy nhiên, các quy trình cần được cập nhật thêm sau khi có hệ thống ERP.

• Công ty cần nhanh chóng triển khai các phần mềm hỗ trợ quản lý để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm 2019.

• Công ty cần hoàn thiện hệ thống nhân sự với năng lực và kiến thức chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc, đem lại hiệu quả cao và tiết kiệm chi phí nhân sự không hợp lý.

• Công ty cần quản lý chi phí chặt chẽ hơn thông qua hoạt động đánh giá ngân sách định kỳ theo từng phòng ban và quản lý hệ thống thanh toán lương, đảm bảo phù hợp giữa kết quả kinh doanh và ngân sách hoạt động đã đề ra.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN NĂM 2019

• Tiếp tục giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị nói riêng và Công ty nói chung, hỗ trợ Ban Giám đốc trong các quyết định chiến lược nhằm đảm bảo đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

• Đóng góp ý kiến cho các kế hoạch và dự án sắp tới của HĐQT.

• Tham gia hỗ trợ đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ Kiểm toán nội bộ có năng lực, đóng góp hiệu quả vào việc quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí và kiểm soát tuân thủ cho Công ty.

• Nâng cao vai trò và phát huy hiệu quả của hệ thống ERP trong quản trị Doanh nghiệp.

PHẦN III

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Thị trường ngư nghiệp
được đánh giá là không khả quan trong năm 2018

Câu chuyện thẻ vàng với thủy sản Việt Nam bắt đầu từ năm 2017 nhưng vẫn là tâm điểm của ngành thủy sản trong năm 2018 bởi những nỗ lực khắc phục của Việt Nam vẫn bị đánh giá là chưa đủ thuyết phục Ủy ban châu Âu (EC)

Sau khi EC chính thức đưa ra cảnh báo thẻ vàng trong vấn đề chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp (IUU) đối với Việt Nam, các cơ quan quản lý đã áp dụng hàng loạt biện pháp với mục đích gỡ bỏ thẻ vàng trong thời gian quy định nhưng không thành công. Vào tháng 6, khi sang Việt Nam để đánh giá mức độ cam kết chống IUU, EC đã quyết định gia hạn thêm thẻ vàng 6 tháng kèm theo 9 khuyến nghị cho ngành thủy sản của Việt Nam.

Xuất khẩu hải sản sang EU - thị trường nhập khẩu cá ngừ lớn thứ hai, nhập khẩu mực, bạch tuộc thứ ba của Việt Nam - có chiều hướng giảm từ khi Việt Nam bị cảnh báo thẻ vàng IUU.

Cá ngừ là mặt hàng duy trì được mức tăng trưởng dương hai con số trong phần lớn thời gian của năm 2018, dù tốc độ có phần chậm lại trong những tháng gần đây và thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2017. Xuất khẩu tăng trưởng mạnh 46,6% trong tháng 8 nhưng ngay sau đó, con số này chỉ còn là 1,3% trong tháng 9. Đến tháng 10, xuất khẩu giảm 4% sau một thời gian tăng trưởng tốt.

Đối với mặt hàng mực, bạch tuộc, xuất khẩu sang EU tiếp tục giảm, nhưng tốc độ sụt giảm không nhiều như những tháng trước. VASEP cho rằng, do mực, bạch tuộc là những mặt hàng mà Việt Nam khai thác nhỏ lẻ nên khó có thể đáp ứng được các yêu cầu về chống khai thác IUU của EU, nên dự kiến xuất khẩu mặt hàng này sang



Nguồn: ndh.vn

EU trong những tháng tới vẫn sẽ giảm. Tương tự, xuất khẩu nhuyễn thể, cua ghe và cá biển vào EU cũng liên tục giảm sâu.

VASEP khẳng định thẻ vàng IUU đã kéo giảm nhu cầu hải sản khai thác từ Việt Nam. Hiệp hội dự báo xuất khẩu các mặt hàng này sẽ giảm tiếp trong thời gian tới tùy vào nỗ lực tháo gỡ thẻ vàng của Chính phủ và các bộ, ngành từ Trung ương tới địa phương. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng mực, bạch tuộc, cua ghe, cá biển sang EU sẽ tiếp tục giảm mạnh do vướng mắc trong thủ tục chứng nhận, xác nhận nguồn gốc khai thác.

Việc xuất khẩu giảm đã ảnh hưởng đến việc ra khơi đánh bắt của ngư dân. Thêm vào đó, quy định chặt chẽ của chính phủ để tuân thủ IUU buộc các tàu cá lắp thiết bị định vị vệ tinh cũng gây khó khăn cho ngư dân. Việt Nam hiện có gần 110.000 tàu cá đánh bắt hải sản, trong đó khoảng 33.000 tàu cá đánh bắt xa bờ (công suất 90 CV trở lên) nhưng chỉ khoảng 3.000 tàu được lắp thiết bị định vị vệ tinh Movimar. Tuy nhiên, mỗi thiết bị định vị này có giá khoảng 1,7 triệu đồng. Với số lượng lớn tàu thuyền nhiều, giá thiết bị cao nên ngư dân cần sự hỗ trợ từ Chính phủ.



Tình hình thị trường hạt nhựa năm 2018

Giá hạt nhựa đầu năm 2018 tiếp tục duy trì ở mức cao đã được thiết lập cuối năm 2017 và tiếp tục đã tăng trong năm 2018. Tỷ trọng nguyên vật liệu là hạt nhựa trong giá

thành sản xuất chiếm tỷ trọng khá cao, chính vì vậy, sự biến động của yếu tố đầu vào này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Hiện nay Công ty đang sử dụng 2 loại nguyên vật liệu nhựa chính là nhựa PP và nhựa PE. Nguồn hạt nhựa được sản xuất trong nước hiện không đáp ứng đủ nhu cầu, các doanh nghiệp nhựa đều phải nhập khẩu từ nước ngoài. Đặc biệt việc thuế nhập khẩu nhựa tăng lên 3% từ ngày 1/1/2017 cùng làm cho chi phí phát sinh của các doanh nghiệp nhựa tăng lên đáng kể. Việc nhập khẩu nguyên vật liệu nhựa cũng khiến doanh nghiệp "lo lắng" trước những biến động về tỷ giá trên thị trường. Do nhận thấy giá nhựa duy trì ở mức cao, biến động tăng hầu như không đáng kể nên Công ty không thực hiện chính sách mua để trữ mà chỉ mua vừa đủ đáp ứng hoạt động sản xuất của Công ty.

Không chỉ quan tâm đến giá nguyên vật liệu mà chất lượng nguyên vật liệu cũng được công ty đặt lên hàng đầu. Công ty luôn lựa chọn những nhà cung cấp hàng đầu về nguyên vật liệu nhựa, trong nước cũng như nhập khẩu nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào sản xuất giúp thương hiệu Siam Brothers luôn được đánh giá cao bởi người tiêu dùng, tạo niềm tin vững chắc cho sự phát triển ở tương lai

Hoạt động nghiên cứu phát triển và cải tiến sản phẩm

Công ty luôn xác định mặt hàng dây thừng là mặt hàng cốt lõi của doanh nghiệp, hoạt động nghiên cứu phát triển và cải tiến sản phẩm luôn tập trung vào mặt hàng này nhằm đem lại chất lượng cao nhất cho người tiêu dùng. Công ty luôn ý thức được sản phẩm dây thừng của công ty còn liên quan đến sự an toàn của ngư dân trong lĩnh vực đánh bắt thủy sản và an toàn của người lao động khi sử dụng sản phẩm dây an toàn lao động nên chất lượng sản phẩm luôn phải là mối quan tâm hàng đầu của công ty, thông qua việc công ty là đơn vị duy nhất trên thị trường cung cấp bảo hành cho sản phẩm trong thời hạn 3 năm





Năm 2018 ghi nhận bước tiến của công ty trong hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới khi sản phẩm dây thừng dùng trong lĩnh vực nông nghiệp chính thức được các trang trại lớn đặt hàng sử dụng thay thế các sản phẩm truyền thống. Sản phẩm dây thừng nông nghiệp hiện nay phục vụ cho các trang trại trồng chuối, cà chua, nông sản trồng trong nhà kính.

Đánh giá hoạt động năm 2018

Trong bối cảnh thị trường ngành nhựa gặp nhiều khó khăn do nguyên vật liệu đầu vào tăng cao và áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành, công hưởng với thị trường đánh bắt thủy sản không thuận lợi trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp phát huy các lợi thế hiện có khắc phục khó khăn để duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Công ty CP Siam Brothers VN vẫn giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường và có bước phát triển vững chắc

Chỉ tiêu	DVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	% thực hiện kế hoạch
Doanh thu	tỷ đồng	470	668	70%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	62	124	50%

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu đạt 470 tỷ đồng, tương đương đạt 70% kế hoạch đề ra. Năm 2018 công ty đối mặt với rất nhiều khó khăn ngoài khả năng kiểm soát của công ty như thị trường đánh bắt không thuận lợi, cản trở từ thẻ vàng IUU cũng như va chạm trên biển liên tục trong hoạt động đánh bắt xa bờ của Việt Nam tại những vùng biển chồng lấn khiến số lượng tàu cá nằm bờ gia tăng trong những tháng đầu năm 2018, tình hình đã được cải thiện vào những tháng cuối năm 2018 nhưng cũng đã làm sản lượng dây thừng bán ra của Công ty sụt giảm mạnh.

Sau khi đưa 2 dây chuyền sản xuất đi vào hoạt động vào cuối năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư các dây chuyền tiếp theo cho nhà máy số 4. Tuy nhiên, việc nhập khẩu máy móc có một số trục trặc dẫn đến các dây chuyền tiếp theo không lắp ráp kịp tiến độ, nhà máy số 4 được chính thức vận hành đầy đủ các dây chuyền sản xuất vào cuối năm 2018, điều này cũng ảnh hưởng đến nguồn cung hàng hóa của Công ty

Với vị thế là người tiên phong trong lĩnh vực sản xuất



dây thừng, ngoài việc dẫn đầu về việc luôn đưa các sản phẩm mới ra thị trường đáp ứng nhu cầu của khách hàng, năm 2018, Công ty còn khẳng định vị thế tiên phong khi là doanh nghiệp sản xuất dây thừng đầu tiên đầu tư vào hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp (ERP), hệ thống DMS và tem điện tử giúp người tiêu dùng nhận biết chính xác hàng thật - giả. Việc triển khai ERP đã làm chi phí Công ty trong năm 2018 tăng cao đột biến ảnh hưởng đến lợi nhuận, tuy nhiên Công ty đặt mục tiêu với việc sử dụng ERP, chi phí sẽ được kiểm soát tốt đóng góp vào lợi nhuận công ty trong tương lai.

Hoạt động kinh doanh nội địa

Năm 2018 CÔNG TY SIAM BROTHERS VIETNAM đã mạnh dạng có những bước đầu tư mạnh mẽ nhằm hoàn thiện hệ thống phân phối của mình, giúp thông suốt kênh phân phối từ NHÀ MÁY - ĐẾN NHÀ PHÂN PHỐI KHU VỰC - CỬA HÀNG BÁN LẺ ĐỒNG HÀNH (CHUẨN) - NGƯỜI DẪN, nhằm mang đến ngư dân Việt Nam những sản phẩm tốt chất lượng theo đúng tiêu chuẩn SIAM BROTHERS VIETNAM với chính sách bảo đảm chất lượng rõ ràng đến tận tay người tiêu dùng. CÔNG TY SIAM BROTHERS



VIETNAM đã triển khai hơn 50 cửa hàng chuẩn trong năm 2018, bên cạnh hệ thống cửa hàng đồng hành phát triển trên toàn quốc là 587 cửa hàng và sẽ còn tiếp tục phát triển mạnh, vươn xa tới các thị trường trong nước.

Bên cạnh sản phẩm mang thương hiệu CON GÀ, CÔNG TY SIAM BROTHERS VIỆT NAM đã đẩy mạnh việc phát triển hệ thống phân phối dây thừng thương hiệu HẢI MÃ - một sản phẩm chất lượng cao, giá cả hợp lý nhằm mang đến cho ngư dân Việt Nam thêm một lựa chọn từ một thương hiệu Công ty sản xuất dây thừng uy tín. Dây thừng hải mã ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng trong năm 2018 với tốc độ tăng trưởng hơn 30%.

Bên cạnh những kênh phân phối hàng truyền thống cho ngành ngư nghiệp thì sản phẩm của CÔNG TY SIAM BROTHERS VIETNAM đã trở thành thương hiệu đáng tin cậy trong lĩnh vực an toàn lao động, an toàn hàng hải. Chúng tôi rất vui mừng rằng sản phẩm của chúng tôi cùng các công ty xây lắp điện trên mọi miền đất nước giúp mang ánh sáng đến những vùng xa xôi nhất của đất nước, góp phần nhỏ bé trong việc mang điện đến mọi nơi

Hoạt động kinh doanh xuất khẩu

2018 là một năm khá ấn tượng với các hoạt động xuất khẩu, tốc độ tăng trưởng gấp 2 lần năm 2017. Với việc mang đến thị trường xuất khẩu những sản phẩm có tính năng vượt trội, Công ty đã liên tục mở rộng được những thị trường xuất khẩu mới. Hiện nay, sản phẩm của SIAM BROTHERS VIETNAM đã vươn xa đến những thị trường sau:

Châu Mỹ: Hoa Kỳ, Nicaragua, Ecoudor

Châu Đại Dương: Úc

Châu Á: Nhật Bản, Sri Lanka, Indonesia, Malaysia,

Myanmar, Singapore, Laos, Cambodia. Đặc biệt tại 2 thị trường trọng điểm Indonesia, Myanmar sản phẩm của SIAM BROTHERS VIETNAM ngày càng thân thuộc với người tiêu dùng hơn.

Châu Âu: Na uy

Hoạt động quản lý sản xuất

Với mục tiêu đặt ra không những là công ty dẫn đầu về thị phần mà còn về công nghệ sản xuất hiện đại, năm 2018 Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc mới cho nhà máy số 4, đồng thời thay thế sửa chữa lớn đối với hệ thống máy móc hiện tại nhằm đảm bảo tối đa về chất lượng sản phẩm cũng như nâng cao năng suất sản xuất, đồng thời tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu. Việc nhà máy số 4 chính thức đi vào hoạt động cuối năm 2018 đã chính thức nâng công suất thiết kế của Công ty lên 14.000 tấn sản phẩm/năm, tương ứng sản lượng sản xuất thực tế có thể đạt đến 10.000 tấn sản phẩm/năm

Tỷ lệ phế phẩm trong sản xuất được duy trì ổn định và giảm dần trong các năm qua, luôn duy trì ở mức dưới 6%.

Hoạt động Kaizen, 5S, TPM vẫn được duy trì đều đặn cùng với chế độ thưởng rõ ràng tạo động lực đẩy mạnh phong trào cải tiến sản xuất trong toàn nhà máy đồng thời tiết kiệm chi phí cho công ty.

Việc xây dựng tiêu chuẩn vị trí cho chương trình đào tạo dành cho nhân viên mới, nhân rộng mô hình QCC đến tất cả các phòng ban, chương trình huấn luyện kỹ năng mềm tiếp tục góp phần hiệu quả đến sự phát triển nguồn nhân lực của công ty.

Kế hoạch bảo trì bảo dưỡng máy móc và công tác bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy vẫn được vận hành hiệu quả.

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

TT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập	2.719.044	9.9	3	0	3
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	2.719.044	9.9	3	0	3
	Cổ đông lớn	17.902.909	65.4	1	1	0
3	- Trong nước	17.902.909	65.4	1	1	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
	Cổ phiếu quỹ	60.000	0.2	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	6.684.523	24.5	476	17	459
	- Trong nước	3.997.046	14.6	442	9	433
	- Nước ngoài	2.687.477	9.9	34	8	26
TỔNG CỘNG		27.366.476	100	481	19	462
Trong đó: - Trong nước		22.612.829	82.7	444	11	433
- Nước ngoài		4.753.647	17.3	37	8	29

>> CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

ERP

Một trong những khoản đầu tư lớn và được xem là mang tính đột phá, thời đại nhất, đánh dấu sự chuyển mình và hòa nhập với kỷ nguyên 4.0 của SBVN chính là quyết định . Dự án được manh nha kể từ cuối năm 2016, khi mà ý kiến chuyên môn của toàn bộ Hội đồng quản trị được huy động cho việc nghiên cứu và lựa chọn phần mềm phù hợp nhất với tình hình Công ty. Đến đầu năm 2017, quyết định sử dụng ERP được đưa ra. Và cho đến hiện tại, đây là một trong những công cụ hỗ trợ hữu hiệu và đặc lực cho hoạt động quản trị, thúc đẩy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Một số cột mốc đáng nhớ của dự án gồm:



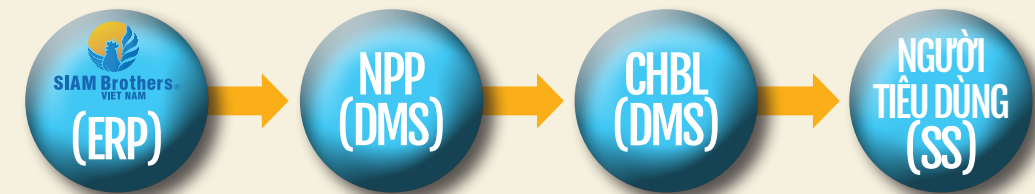
- THÁNG 6/2017** • Ký kết hợp đồng với Công ty Oracle, mua quyền sử dụng Oracle Fusion – một trong những phiên bản mới và hiện đại nhất của Oracle, với nền tảng Cloud (đám mây) giúp đảm bảo độ an toàn, bảo mật cho dữ liệu và tính nhanh chóng, thuận tiện của hệ thống - cho các phân hệ: Sản xuất, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý kho, Tài chính với tổng giá trị đầu tư tương đương 6.4 tỷ đồng.
- THÁNG 7/2017** • Ký kết hợp đồng triển khai phần mềm với Công ty KPMG, một trong những đơn vị triển khai thành công và nổi tiếng của lĩnh vực ERP, với giá trị hợp đồng là 11.4 tỷ đồng.
- Tổ chức lễ khởi động dự án với sự tham gia của Lãnh đạo cấp cao, đại diện cả 3 công ty gồm SBVN, Oracle và KPMG cùng toàn thể những cán bộ quản lý tâm huyết và quyết tâm của SBVN. Quyết định thành lập dự án, trong đó, Giám đốc Dự án là ông Itthapat Sawatyanon, thành viên Hội đồng quản trị trực thuộc Tiểu ban Phát triển hệ thống, với nhiều kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, thường xuyên cập nhật về xu thế công nghệ thế giới.
- THÁNG 5/2018** • Hệ thống chính thức Go-Live (vận hành chính thức hệ thống)
- THÁNG 5/2018** • Hệ thống được xem là công cụ quản trị chính thống của toàn bộ hệ thống, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và hỗ trợ việc đưa ra quyết định nhanh chóng cho Ban quản trị và Ban điều hành, xây dựng nền tảng phát triển và tích hợp cho nhiều phần mềm tân tiến khác trong tương lai, đón đầu xu hướng phát triển trong thời đại 4.0.



DMS là một khoản đầu tư mang tính đột phá trong ngành ngư lưới cụ Việt Nam, đánh dấu sự hòa nhập vào cuộc cách mạng công nghệ 4.0 . Dự án này đã ấp ủ từ năm 2016 khi CÔNG TY SIAM BROTHERS VIỆT NAM nghiên cứu đầu tư dự án ERP, Hội đồng quản trị đã yêu cầu Ban Giám đốc công ty nghiên cứu việc thiết lập một hệ thống quản lý và phân phối sản phẩm từ nhà máy đến tận tay người tiêu dùng .

Vào cuối quý 3 năm 2018 sau khi hệ thống ERP đã được triển khai và sử dụng tại SBVN, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng với CÔNG TY TNHH HQSOFT là một trong những đơn vị hàng đầu Việt Nam trong việc cung cấp giải pháp quản lý hệ thống phân phối DMS . Điều đặc biệt khi triển khai hệ thống DMS là một trong những yêu cầu đầu tiên và bắt buộc là hệ thống phải tích hợp được với hệ thống ERP của Oracle và quản lý được hệ thống tem điện tử thông minh tích hợp trên mỗi sản phẩm

Đưa cách mạng công nghệ 4.0 vào hoàn thiện và quản lý chặt chẽ từ khâu sản xuất sản phẩm bằng hệ thống ERP đến quản lý hệ thống phân phối bằng DMS và hoàn thiện việc cam kết chất lượng chính hãng trên mỗi sản phẩm bằng hệ thống tem thông minh (SS):



Do tính chất quan trọng của dự án nên Dự án này được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị, đứng đầu là ông Veerapong Sawatyanon . Ban giám đốc Công ty cũng cử ông Trần Thanh Long - Phó Giám đốc Thương mại làm Giám đốc dự án này với nhiều kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn trong việc triển khai dự án DMS.

Dự án dự kiến sẽ triển khai thí điểm trong Quý 1 năm 2019 và triển khai ứng dụng trên diện rộng vào Quý 2 năm 2019.



DMS

PHẦN IV

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2019

Thẻ vàng IUU từ EU vẫn chưa được gỡ bỏ vẫn ảnh hưởng trực tiếp đến việc xuất khẩu thủy hải sản và gián tiếp ảnh hưởng đến thị trường đánh bắt của Việt Nam. Hội Đồng Quản Trị và Ban Lãnh Đạo công ty xác định đây là một rủi ro đồng thời cũng là thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trải qua năm 2018, Công ty cũng đã tích lũy được kinh nghiệm để giải bài toán khó kinh doanh và trình Đại Hội đồng Cổ Đông kế hoạch năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	DVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% tăng trưởng
Doanh thu	tỷ đồng	470	630	34%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	62	113	82%

Kế hoạch kinh doanh năm 2019 được xây dựng vẫn dựa trên sản phẩm chính của công ty là kinh doanh dây thừng các loại

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA:

Công ty tập trung hoàn thiện hệ thống phân phối và tăng cường khai thác thị trường nội địa ở những phân khúc khác

- Ngư nghiệp: Cung cấp sản phẩm cho lĩnh vực khai thác gần bờ
- Nuôi trồng thủy sản
- Các sản phẩm phục vụ trong lĩnh vực an toàn lao động và hàng hải
- Đặc biệt tập trung khai thác những sản phẩm mới dành cho Nông Nghiệp sạch công nghệ cao, riêng màng dây nông nghiệp tuy mới được phát triển nhưng theo đánh giá của Hội Đồng Quản Trị và Ban lãnh đạo thì đây là một thị trường rất tiềm năng,

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU:

Công ty liên tục mở rộng, khai thác thêm những tỉnh năng mới và phát triển sản phẩm mới phục vụ, đáp ứng mọi nhu cầu từ các thị trường khó tính khắp nơi trên thế giới

Trong thời gian sắp tới Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển để cho ra nhiều sản phẩm mới hơn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng về sản phẩm dây thừng và dây các loại, xứng đáng với vai trò là người tiên phong trong lĩnh vực này.

Giá nguyên liệu nhựa vẫn là một ẩn số khó đoán trong bài toán lợi nhuận. Sau khi có xu hướng giảm trong những tháng đầu năm 2019, đến thời điểm tháng 4/2019 giá hạt nhựa đã có xu hướng tăng trở lại. Giá dầu mỏ tăng liên tiếp trong những tháng vừa qua tạo áp lực không nhỏ lên giá nguyên liệu nhựa đầu vào. Những tháng đầu năm 2019, nhận thấy giá hạt nhựa đang ở mức giá hấp dẫn, ban lãnh đạo đã quyết định sử dụng tiềm lực tài chính và đón bẫy tài chính để mua với số lượng lớn dự trữ sản xuất trong



CÁC MỤC TIÊU CHÍNH TRONG NĂM 2019:

- ▶ Tiếp tục chinh phục cột mốc kinh doanh với doanh thu đặt ra 630 tỷ
- ▶ Triển khai các hoạt động CSR trên quy mô toàn quốc
- ▶ Định hướng phát triển doanh nghiệp theo hướng xanh và bền vững theo đúng tiêu chuẩn ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường và Smeta về tiêu chuẩn lao động, sức khỏe, an toàn và đạo đức kinh doanh,
- ▶ Cam kết mang tới lợi ích tốt nhất cho khách hàng và cổ đông Công ty.

Hội đồng Quản trị cam kết sẽ tiếp tục chỉ đạo, giám sát và tạo điều kiện tốt nhất cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành mục tiêu đưa Công ty phát triển ở một tầm cao mới.

giai đoạn sắp tới. Do năng lực kho chứa và chính sách không mua trữ nguyên vật liệu quá nhiều, Công ty chỉ mua với khối lượng tương đối nhưng điều đó cũng giúp cho công ty duy trì việc sản xuất ổn định trong nửa đầu năm 2019.

Sau khi hoàn tất đưa hệ thống ERP vào hoạt động từ ngày 1/5/2018, trong năm 2019, Công ty đặt mục tiêu sẽ tiếp tục đưa hệ thống DMS vào hoạt động chính thức vào quý 2 năm 2019, tiếp tục hoàn thiện bức tranh cùng với công nghệ hiện đại áp dụng vào việc quản lý hệ thống phân phối của doanh nghiệp, bên cạnh đó công ty SIAM BROTHERS VIỆT NAM cũng đưa vào sử dụng hệ thống tem điện tử (tem thông minh) được tích hợp trên mỗi sản phẩm của công ty. Đưa cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hoàn thiện việc quản lý chặt từ việc sản xuất sản phẩm bằng hệ thống ERP từ công ty đến quản lý hệ thống phân phối bằng DMS và hoàn thiện việc cam kết chất lượng chính hàng trên mỗi sản phẩm bằng hệ thống tem thông minh (SS):

CÔNG TY (ERP) NPP (DMS) CHBL (DMS)
NGƯỜI TIÊU DÙNG (SS)

Trong những năm sắp tới, Công ty sẽ tận dụng công nghệ triển khai nhiều kế hoạch với mục tiêu chính là tăng trưởng thị phần kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động Công ty có tham gia. Việc đầu tư lớn vào công nghệ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến lợi nhuận Công ty, tuy nhiên, lợi ích từ việc áp dụng công nghệ sau khi triển khai sẽ được Công ty chứng minh với nhà đầu tư trong thời gian sắp tới.

Ngoài tập trung vào việc phát triển kinh doanh, năm 2019, Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc còn hướng tới một mục tiêu khác là xây dựng một doanh nghiệp "xanh" đồng hành với Cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ môi trường biển, nơi đã góp phần tạo ra Siam Brothers trong suốt hơn 20 năm qua.

PHẦN V

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một doanh nghiệp nói chung, và một nhà sản xuất gắn liền với một trong những nguồn tài nguyên thiên nhiên lớn nhất của hành tinh - Đại dương, SBVN ý thức rõ vai trò và nhiệm vụ của mình, đặc biệt trong thời kỳ khó khăn không chỉ đến từ thị trường và các yếu tố cố hữu, mà còn đến từ tình hình biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, sự khan hiếm các nguồn tài nguyên ngày càng nhanh...

Trong phạm vi khả năng của mình, Công ty đã thực hiện các hoạt động thiết thực với tầm nhìn dài hạn, là duy trì bền vững sự phát triển của doanh nghiệp và đóng góp cải thiện tình hình chung toàn cầu.



SIAM Brothers®
VIET NAM



» CSR

Hàng năm, Công ty đều có thông lệ tổ chức du lịch thường niên cho CBCNV. Tuy nhiên, trong năm 2018, khởi đầu cho các hoạt động bền vững, vì môi trường và vì ngành ngư nghiệp nói chung, SBVN tổ chức hoạt động dọn sạch bãi biển kết hợp trong chuyến du lịch của Công ty, nhằm góp phần giải quyết vấn nạn môi trường, đồng thời nâng cao nhận thức cho ngư dân và cộng đồng quanh khu vực bãi biển diễn ra sự kiện.

Ngoài ra, với định hướng hoạt động vì cộng đồng, Công ty đã dành ra một phần ngân sách để hỗ trợ thiện nguyện, đóng góp vào việc cải thiện đời sống người dân tại nơi hoạt động và tại các khu vực còn nhiều khó khăn



CBCNV Công ty Cổ phần Siam Brothers VN tham gia nhặt rác, làm sạch bãi biển Ninh Chữ



Lễ khánh thành cầu Út Tiều - một công trình có sự đóng góp ngân sách của SBVN



Ông Frank Fan đại diện SBVN nhận bằng khen của Liên đoàn Lao động Quận 12

về điều kiện sống.

Nhìn nhận rõ tầm quan trọng của yếu tố con người trong hoạt động của doanh nghiệp, SBVN đã xây dựng các chính sách hợp lý để chăm lo phúc lợi của người lao động, và điều đó đã được ghi nhận và công nhận bởi Liên đoàn lao động TPHCM - Quận 12 thông qua Bằng khen thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân lao động.

Bên cạnh đó, với mục tiêu phát triển bền vững, củng cố thương hiệu và mở rộng thị trường, SBVN không ngừng cải thiện các hệ thống sản xuất và quy trình nội bộ nhằm đáp ứng các thông lệ tốt nhất trên toàn cầu. Vào tháng 12/2018, SBVN chính thức được trao chứng nhận ISO 14001:2015 về hiệu quả quản lý môi trường.



Các cán bộ cấp quản lý của SBVN viếng thăm và tặng quà cho trẻ em mồ côi tại Mái ấm Đức Quang, Long An



Cán bộ cấp cao của Công ty trao quà cho các hộ ngư dân có hoàn cảnh khó khăn tại Thị trấn Khánh Hải



Đại diện lãnh đạo tiếp nhận Chứng nhận ISO 14001:2015

TRAINING & DEVELOPMENT



» HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, CẢI TIẾN

Trong xu thế khoa học công nghệ ngày càng phát triển, 4.0 len lỏi vào từng hoạt động của đời sống và sản xuất, SBVN xác định rõ cần chuyển hướng phát triển theo công nghệ, tuy nhiên, con người vẫn là yếu tố cốt lõi, đóng vai trò chủ chốt trong mọi quy trình vận hành của doanh nghiệp.

Với tiêu chí đó, trong năm 2018, Công ty đầu tư không ngừng vào việc phát triển đội ngũ nhân lực thông qua các hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó, Kaizen vẫn luôn là kim chỉ nam giúp cho hoạt động của nhà máy được mượt mà, trơn tru và hiệu quả cao hơn.

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CƠ BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN NỘI BỘ BAO GỒM:

• **ĐÀO TẠO VỀ KAIZEN VÀ A3** thuộc chương trình đào tạo hội nhập dành cho công nhân viên mới vào làm việc, giúp họ hiểu rõ hơn về văn hóa và ý thức về những cải tiến nhỏ nhưng mang lại lợi ích cao trong công việc.

• **KHÓA ĐÀO TẠO VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM** dành cho đối tượng là công nhân viên của toàn thể công ty, qua khóa học giúp CNV có nhận thức tốt về chất lượng dây thừng trong từng công đoạn, nhằm mục đích đảm bảo chất lượng sản phẩm của công ty và giúp nhân viên có cơ hội tiếp cận, suy nghĩ về các ý tưởng cải tiến chất lượng sản phẩm.



• **ĐÀO TẠO VẬN HÀNH ĐA NĂNG** với đối tượng là công nhân viên nhà máy, các anh chị sẽ được đào tạo bắt chéo (nhân viên nhóm máy này sẽ qua nhóm máy khác để học) nhằm mục đích tạo ra 1 lượng nhân viên đa năng, đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của Công ty.

• **ĐÀO TẠO QUẢN LÝ CẤP TRUNG** là một trong những hoạt động được chú trọng cao tại công ty nhằm định hướng phát triển sự nghiệp cho thế hệ Leader, giúp tạo ra một thế hệ kế thừa chắc chắn, đầy đủ kiến thức và tinh thần trách nhiệm cho Công ty trong tương lai.

• **ĐÀO TẠO COACHING** được xem như hoạt động thành công nhất trong năm 2018 của Trung tâm đào tạo trực thuộc Công ty khi đã thành công nhân rộng mô hình lớp học cho cấp độ Leader trong Công ty. Đây là một khóa học mang tầm quốc tế, giúp phát triển đội ngũ quản lý theo định hướng tập trung giải quyết vấn đề, tôn trọng ý kiến cá nhân, tăng cường hợp tác hỗ trợ giữa cấp trên và cấp dưới, cũng như nâng cao sự tương tác và hợp tác giữa các phòng ban.

Ngoài các lớp đào tạo nội bộ, Công ty cũng lựa chọn các nhân viên có tố chất và đầu tư hợp lý thông qua các khóa học phù hợp được thực hiện bởi các tổ chức uy tín như 2D Graphic Designer; Thay đổi mô thức lãnh đạo; Quản lý dự án; CCNAX; Kiểm toán nội bộ theo chuẩn quốc tế; Digital Marketing; Phương pháp sản xuất hướng tới tổn thất còn không; Nghiệp vụ quản lý kho



Với việc thay đổi cơ chế quản trị,
bãi bỏ Ban Kiểm soát, thay vào đó là

Tiểu ban Kiểm toán,

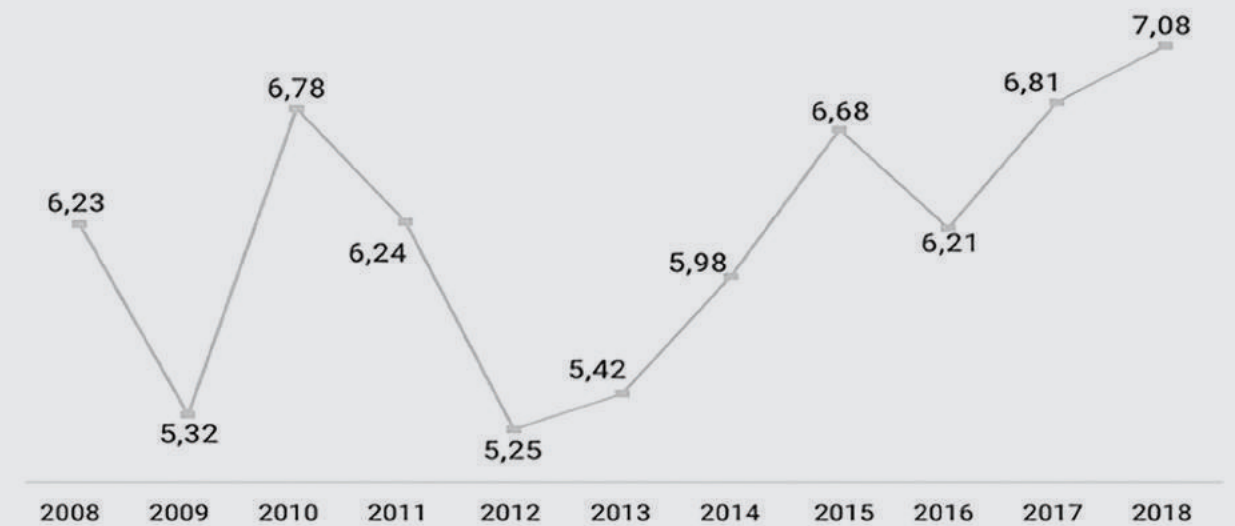
Công ty đã có những bước tiến đáng kể
trong việc quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động bền vững
và ngày càng ổn định, hiệu quả hơn.



» QUẢN TRỊ RỦI RO

TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM TRONG 10 NĂM

(Từ năm 2008 đến năm 2018, đơn vị: %)



VnEconomy

Nguồn: Tổng cục Thống kê

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2018, GDP cả năm tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung. GDP năm 2018 có sự tăng trưởng kỷ lục này nhờ có sự đóng góp rất lớn từ FDI, tuy nhiên, điều này cho thấy sự phát triển của mảng doanh nghiệp nội địa chưa thực sự mạnh. Điều này đồng nghĩa với sức cạnh tranh của các thương hiệu Việt nói chung chưa đủ để cạnh tranh ở tầm toàn cầu, chưa thể khai thác triệt để thị trường xuất khẩu.

Ngoài ra, với những căng thẳng khó đoán về thương mại giữa các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc cùng sự tái xuất của cơ chế bảo hộ, sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam gặp phải nhiều khó khăn. Mặc dù hoạt động trong thị trường ngách, Công ty cũng sẽ bị gián tiếp ảnh hưởng khi sản phẩm đánh bắt của ngư dân gặp phải khó khăn ở đầu ra bởi các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Hoa Kỳ, Nhật, và Trung Quốc.

Tình hình biến động thường xuyên, ngư trường khai thác ngày càng thu hẹp đã khiến nhiều tàu cá của ngư dân nằm bờ, không thể ra khơi đánh bắt, gián tiếp làm giảm sức tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Ở một số thị trường, tuy thời tiết trên biển rất thuận lợi cho việc đánh bắt hải sản của bà con ngư dân nhưng nguồn lợi hải sản đang ngày càng cạn kiệt, ngư trường đánh bắt hạn hẹp, số tàu thuyền đánh bắt trên biển nhiều lên khiến ngư dân càng thêm khó khăn, sản lượng cá đánh bắt thấp kỷ lục. Tình hình khan hiếm nguồn tài nguyên cá biển dẫn đến một thực tế là dù

dân số đang trên đà tăng nhanh, ngành đánh bắt cá từ tự nhiên sẽ không tăng trưởng để đảm bảo đa dạng sinh học và nuôi trồng sẽ được xem là một hướng phát triển mới và bền vững cho Công ty trong tương lai.

Bên cạnh đó, khí hậu và thời tiết được xem như là các hiện tượng bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty và đã có những tác động nhân tiền đối với thị trường ngư nghiệp. Do vậy, Công ty cũng nhanh chóng thích ứng và định hướng phát triển mở rộng sang các lĩnh vực và thị trường khác, vừa giúp giảm thiểu rủi ro vừa giúp phát triển doanh nghiệp theo hướng xanh hơn, bền vững hơn và ổn định về thị trường tiêu thụ.

Giá chi phí đầu vào như nguyên vật liệu, nhân công, điện... đều tăng, dẫn đến việc tăng giá sản phẩm để bù đắp chi phí. Tuy nhiên, với định hướng phân khúc khách hàng tầm trung và tầm cao, giá sản phẩm Công ty đã được xem là cao nhất thị trường. Trong điều kiện tình hình kinh tế khó khăn, việc tiêu thụ sẽ phần nào bị ảnh hưởng.

Đồng thời, Quy định về chống đánh bắt cá bất hợp pháp của liên minh Châu Âu – IUU với thẻ vàng dành cho Việt Nam dẫn đến nhiều thay đổi và siết chặt hơn trong khung pháp lý và quy định dành cho ngành đánh bắt, ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của các hộ ngư dân và gián tiếp ảnh hưởng đến sản phẩm dây thừng của Công ty.

Xét về yếu tố cạnh tranh, dù hiện tại là thương hiệu hàng đầu trên thị trường, Công ty cũng nhận thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ của các đối thủ hiện hữu và đối thủ mới từ các thị trường nhập khẩu, tác động trực tiếp đến doanh thu và thị phần của Công ty.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Tăng trưởng tín dụng từ các ngân hàng có xu hướng chậm lại, đồng thời, việc xét duyệt cấp tín dụng cũng ngày càng siết chặt và khó khăn hơn. Là một doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn vay, Công ty cũng đã xem xét cân đối dòng tiền, tránh phụ thuộc vào vốn vay. Song song với tín dụng, hoạt động của các doanh nghiệp luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào cũng như nhu cầu cho sản phẩm đầu ra, do vậy, dù tình hình lạm phát được kiểm soát ở mức khá thấp trong suốt năm 2018, Công ty vẫn luôn xác

định rủi ro lạm phát bùng phát tăng trở lại trong những năm tới và có những ứng sách phù hợp.

Với một phần dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp đến từ vốn vay, Công ty luôn theo dõi sát sao những biến động của thị trường tài chính. Nhờ vậy, xác định rõ việc giảm lãi suất cho vay trong năm nay là vẫn hết sức khó khăn do nhiều nguyên nhân, trong đó mấu chốt vẫn là chưa thể giảm lãi suất huy động để hỗ trợ giảm lãi suất cho vay của ngành ngân hàng, Công ty đã chủ động kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu chi, tránh phát sinh nhiều chi phí từ lãi suất vay vốn để đảm bảo lợi nhuận hoạt động.

Về thị trường ngoại hối, tỷ giá trung tâm đã tăng khoảng 1,5% so với đầu năm, tỷ giá tại các ngân hàng thương mại tăng khoảng 2,8% và tỷ giá thị trường tự do tăng khoảng 3,5% so với đầu năm. Là một công ty nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ (USD) trong khi sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường nội địa và được thanh toán bằng tiền Đồng (VND), sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chi phí sản xuất cũng như lợi nhuận của Công ty. Đây là một trong những hoạt động chủ chốt và được lưu tâm nhất của Công ty, do đó đã được chính Tiểu ban kiểm toán phụ trách hỗ trợ Phòng mua hàng trong việc xây dựng các khung giá phù hợp và đưa ra chỉ đạo mua tích trữ nguyên vật liệu, đảm bảo Công ty không chịu tổn thất quá lớn từ biến động tỷ giá.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro chính từ thị trường và yếu tố tài chính, Công ty còn chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác như:

◦ **Sự thiếu hụt nguồn nhân lực:** Trong xu hướng phát triển hiện đại, tầng lớp lao động có trình độ ngày càng cao, dẫn đến tình hình khan hiếm lao động phổ thông, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng phát triển mở rộng của hệ thống nhà máy. Nắm bắt tình hình này, Công ty đã có những chính sách và thay đổi phù hợp trong cơ chế sử dụng và quản lý nhân sự, đảm bảo năng suất sản xuất tại các nhà máy. Đối với nhân sự trí thức, Công ty cũng định hướng giữ chân nhân tài thông qua hoạt động đào tạo, phát triển và chính sách phúc lợi phù hợp.



◦ **Chính sách và luật pháp:** Hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển nhằm bắt kịp các tiêu chuẩn toàn cầu, do đó, bộ phận Pháp chế của Công ty được tuyển chọn kỹ lưỡng và luôn cẩn trọng kiểm soát các hoạt động pháp lý, tránh phát sinh rủi ro trong tương lai.

◦ **Rủi ro khác:** Các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn... Tuy ít xảy ra nhưng khó dự đoán và thường gây thiệt hại lớn cho Công ty khi phát sinh. Nhằm quản lý hậu quả những rủi ro này đến quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chủ động hỗ trợ mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty, đồng thời có chính sách quản lý rủi ro phù hợp.



PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CP SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CP SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Date: 2019.03.30 15:09:04 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt vào ngày 30 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 41. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Veerapong Sawatyanon
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đầu tư	Số 411033000030 ngày 30 tháng 6 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp có thời hạn hoạt động là 30 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên số 1321/GP ngày 18 tháng 7 năm 1995.																		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300812161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 7 tháng 7 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 1 năm 2018.																		
Hội đồng Quản trị	<table border="0"> <tr> <td>Ông Veerapong Sawatyanon</td> <td>Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>Ông Itthapat Sawatyanon</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Huỳnh Tiến Việt</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Lê Trần Anh Tuấn</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Lê Phụng Hào</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Nguyễn Trường Hải</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Bà Ngô Tử Đông Khanh</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Huỳnh Văn Tỷ</td> <td>Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2018)</td> </tr> <tr> <td>Bà Lê Thị Ngọc</td> <td>Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2018)</td> </tr> </table>	Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch	Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên	Ông Huỳnh Tiến Việt	Thành viên	Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên	Ông Lê Phụng Hào	Thành viên	Ông Nguyễn Trường Hải	Thành viên	Bà Ngô Tử Đông Khanh	Thành viên	Ông Huỳnh Văn Tỷ	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2018)	Bà Lê Thị Ngọc	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2018)
Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch																		
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên																		
Ông Huỳnh Tiến Việt	Thành viên																		
Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên																		
Ông Lê Phụng Hào	Thành viên																		
Ông Nguyễn Trường Hải	Thành viên																		
Bà Ngô Tử Đông Khanh	Thành viên																		
Ông Huỳnh Văn Tỷ	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2018)																		
Bà Lê Thị Ngọc	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2018)																		
Ban Giám đốc	<table border="0"> <tr> <td>Ông Fan Weng Kee</td> <td>Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)</td> </tr> </table> <p>Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa bổ nhiệm Tổng Giám đốc và thành viên Ban Giám đốc mới.</p>	Ông Fan Weng Kee	Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)																
Ông Fan Weng Kee	Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 12 năm 2018)																		
Người đại diện theo pháp luật	Ông Veerapong Sawatyanon Chủ tịch																		
Trụ sở chính	Tòa nhà Anna, số 10, Công viên Phần mềm Quang Trung Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam																		
Văn phòng đại diện	Tòa nhà PDD, số 162 Đường Pasteur, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam																		
Chi nhánh	Lô A201 và A202, Đường C Khu Công nghiệp Thái Hòa – Đức Hòa III Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An																		
Chi nhánh 2 và Chi nhánh 3	Lô E, Đường số 7 Khu Công nghiệp Thái Hòa Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An																		
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)																		



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu
Số Giấy CN EKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Lai Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2432-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8171
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Mẫu số B 01 - DN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		428.713.841.283	401.485.041.027
110	Tiền	3	57.231.401.561	153.552.547.226
111	Tiền		57.231.401.561	153.552.547.226
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.012.123.230	5.869.018.513
121	Chứng khoán kinh doanh	4	7.317.039.691	6.054.236
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4	(1.304.916.461)	(185.217)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		187.782.413.027	162.028.758
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	157.164.470.955	115.827.832
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	29.801.165.393	35.809.335
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		205.372.334	493.901
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	7.730.611.412	8.757.119
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(7.521.758.843)	(7.306.217)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		402.551.776	446.786
140	Hàng tồn kho		115.566.958.476	55.857.561
141	Hàng tồn kho		125.406.169.141	62.724.159
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.839.210.665)	(5.866.597)
150	Tài sản ngắn hạn khác		62.120.944.989	33.177.155
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	7.270.523.821	4.229.228
152	Thuế GTGT được khấu trừ	15(a)	54.849.239.175	28.946.744
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.181.993	1.181


CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
01	Doanh thu bán hàng	470.041.419.300	525.022.966.839
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(79.912.542)	(198.390.911)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	469.961.506.758	524.824.575.928
11	Giá vốn hàng bán	(296.444.036.471)	(302.847.357.352)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	173.517.470.287	221.977.218.576
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.424.952.311	2.482.049.888
22	Chi phí tài chính	(6.372.731.395)	(5.678.703.415)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(4.415.531.398)	(5.588.067.523)
25	Chi phí bán hàng	(45.795.240.206)	(39.834.662.707)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(61.196.187.166)	(49.356.300.961)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	62.578.263.831	129.589.601.381
31	Thu nhập khác	294.925.401	241.751.873
32	Chi phí khác	(5.751)	(15.520.291)
40	Lợi nhuận khác	294.919.650	226.231.582
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.873.183.481	129.815.832.963
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(10.507.529.060)	(17.255.047.079)
52	(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(93.786.302)	534.290.282
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.271.868.119	113.095.076.166
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.819	5.199
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.819	5.199



Đàng Thị Mỹ Kim
Người lập/Kế toán trưởng



VEERAPONG SAWATYANON
SIAM BROTHERS VIETNAM
CHỦ TỊCH
Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.
8

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

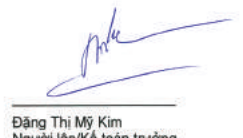
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		263.780.100.907	211.496.465.922
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.313.165.042	1.138.875.200
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	1.313.165.042	1.138.875.200
220	Tài sản cố định		146.558.836.401	78.811.839.253
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	130.097.418.266	64.949.684.102
222	Nguyên giá		326.177.371.173	248.762.402.024
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(196.079.952.907)	(183.812.717.922)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	11(b)	15.482.968.205	13.025.454.952
225	Nguyên giá		24.159.018.448	18.877.508.096
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.676.050.243)	(5.852.053.144)
227	Tài sản cố định vô hình	11(c)	978.449.930	836.700.199
228	Nguyên giá		4.994.180.266	4.207.054.622
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.015.730.336)	(3.370.354.423)
240	Tài sản dở dang dài hạn		41.701.063.605	56.866.230.528
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	41.701.063.605	56.866.230.528
260	Tài sản dài hạn khác		74.207.035.859	74.679.520.941
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	69.069.844.086	69.448.542.866
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	5.137.191.773	5.230.978.075
270	TỔNG TÀI SẢN		692.493.942.190	612.981.506.949

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.
6


CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VON	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		225.333.955.418	154.520.080.890
310	Nợ ngắn hạn		222.372.327.853	152.151.497.344
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	43.340.317.478	19.280.560.892
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.581.828.895	4.668.983.482
313	Thuế và các khoản phải nộp			
	Ngân sách Nhà nước	15(b)	5.428.928.654	9.062.068.309
314	Phải trả người lao động		4.261.629.664	4.526.269.866
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	11.448.280.330	18.925.729.383
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	8.176.977.735	5.371.902.911
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	19.435.661.752	28.850.524.420
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	115.430.356.131	55.810.704.273
322	Quý khen thưởng, phúc lợi	20	8.268.347.214	5.654.753.808
330	Nợ dài hạn		2.961.627.565	2.368.583.546
337	Phải trả dài hạn khác		17.000.000	117.000.000
338	Nợ thuế tài chính dài hạn	19	2.485.244.064	1.792.200.046
342	Dự phòng phải trả dài hạn		459.383.501	459.383.500
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		467.159.986.772	458.461.426.059
410	Vốn chủ sở hữu		467.159.986.772	458.461.426.059
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	273.664.760.000	273.664.760.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			
			273.664.760.000	273.664.760.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	94.825.673.463	94.825.673.463
415	Cổ phiếu quỹ	22	(600.000.000)	(600.000.000)
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22	14.907.569.048	14.907.569.048
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	84.561.984.261	75.863.423.548
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		34.903.709.548	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		49.658.274.713	75.863.423.548
440	TỔNG NGUỒN VON		692.493.942.190	612.981.506.949



Đàng Thị Mỹ Kim
Người lập/Kế toán trưởng



VEERAPONG SAWATYANON
SIAM BROTHERS VIETNAM
CHỦ TỊCH
Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.
7

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuận do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đổi với tài sản dù điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuận của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối kỳ hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuận có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí gia công và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuận có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.7 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá ở từng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Hội đồng Quản trị đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất các loại dây thừng polypropylene (PP) và polyethene (PE) dùng trong nông ngư nghiệp; sản xuất các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp; sản xuất và phát triển phần mềm máy tính; và thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông ngư nghiệp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 145/QĐ-SGDHCM được ban hành bởi HOSE ngày 3 tháng 5 năm 2017 và ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty (Mã chứng khoán: SBV) là ngày 16 tháng 5 năm 2017.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Trụ sở chính của Công ty ("Trụ sở chính") được đặt tại tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 1995 trong thời gian 30 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư.

Công ty có 1 văn phòng đại diện và 3 chi nhánh như sau:

Văn phòng đại diện của Công ty được đặt tại tòa nhà PDD, số 162 Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh của Công ty ("Chi nhánh") được đặt tại Lô A201 và A202, Đường C, Khu Công nghiệp Thái Hòa – Đức Hòa III, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 50212000009 do Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 30 tháng 9 năm 2008 trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 9 năm 2018.

Chi nhánh 2 của Công ty ("Chi nhánh 2") được đặt tại Lô E, Đường 7, Khu Công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 50212000021 do Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 1 năm 2011 trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 10 năm 2018.

Chi nhánh 3 của Công ty ("Chi nhánh 3") được đặt tại Lô E, Đường 7, Khu Công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3264211134 do Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 568 nhân viên (tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 635 nhân viên).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.873.183.481	129.815.832.963
02	Điều chỉnh cho các khoản:		
03	Khấu hao tài sản cố định	17.126.503.553	20.425.697.515
04	Các khoản dự phòng	5.307.853.199	1.821.992.224
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(804.629.592)	(122.253.636)
06	Lãi tiền gửi	(119.609.005)	(1.888.597.117)
06	Chi phí lãi vay	4.415.531.398	5.588.067.523
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	88.798.833.034	155.440.739.472
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(62.334.510.629)	27.399.546.170
10	Tăng hàng tồn kho	(62.882.009.621)	(16.186.454.627)
11	Tăng các khoản phải trả	20.252.946.877	8.753.150.623
12	Tăng chi phí trả trước	(2.662.596.187)	(30.856.344.803)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh	(1.262.803.188)	(501.852.296)
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.415.531.398)	(5.588.067.523)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(14.056.538.809)	(15.388.427.535)
20	Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động kinh doanh	(38.362.309.921)	123.070.289.711
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(70.193.825.322)	(45.835.000.521)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	5.767.001.898	9.877.273
24	Thu hồi cho vay	288.520.444	-
27	Thu lãi tiền gửi	119.609.005	2.177.170.906
30	Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động đầu tư	(64.018.684.975)	(43.547.952.342)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	183.858.129.758	95.374.169.375
34	Chi trả nợ gốc vay	(123.076.039.105)	(171.411.160.703)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(5.750.905.129)	(5.926.073.483)
36	Chi trả cổ tức	(49.775.965.893)	(46.149.476.550)
40	Lưu chuyển thuận từ hoạt động tài chính	5.255.219.639	(128.112.541.361)
50	Lưu chuyển tiền thuận trong năm	(97.125.775.267)	(48.690.203.992)
60	Tiền đầu năm	153.552.547.226	282.099.071.699
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	804.629.592	143.679.519
70	Tiền cuối năm	57.231.401.551	153.552.547.226

Đặng Thị Mỹ Kim
Người lập/Kế toán trưởng

Veerapong Sawatyanon
Chủ tịch
Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán từ kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận thuần

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.19 Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN

	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	440.331.373	250.389.100
Tiền gửi ngân hàng	56.791.070.188	153.302.157.100
	<u>57.231.401.561</u>	<u>153.552.546.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.22 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, chủ yếu bao gồm chi phí lương của nhân viên bán hàng, chi phí khuyến mãi, hoa hồng bán hàng, chi phí vận chuyển, chi phí khảo sát thị trường và các chi phí khác.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí khác.

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

4 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2018			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu niêm yết				
Tập đoàn Bất động sản Đất Xanh	34.340	1.059.007.970	817.292.000	(241.715.970)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	64.450	758.810.100	464.040.000	(294.779.100)
Khác		5.499.212.621	5.376.956.000	(768.421.391)
		7.317.039.691	6.658.288.000	(1.304.916.481)

	2017			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Máy Sài Gòn	38.630	1.103.905.520	1.004.380.000	(99.525.520)
Công ty Cổ phần Khu vận Giao nhận Ngoại Thương	20.580	982.900.800	926.100.000	(56.800.800)
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	9.800	810.238.939	838.880.000	-
Khác		3.157.191.244	4.810.013.260	(28.891.670)
		6.054.236.503	7.579.373.260	(185.217.990)

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba:	145.705.043.710	107.842.200
Cửa hàng Ngọc Tỷ (*)	44.216.287.718	49.997.800
Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái (*)	42.562.890.233	23.918.400

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba:	5.685.135.841	5.268.516.302
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện HTD	3.509.967.961	-
Công ty TNHH Siam Brothers Chemical	2.082.098.880	-
Khác	93.069.000	5.268.516.302
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	24.116.029.552	30.540.819.026
	29.801.165.393	35.809.335.328

7 PHẢI THU KHÁC

	2018 VND	2017 VND
(a) Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	3.454.012.506	3.485.872.773
Tạm ứng cho nhân viên	1.990.848.434	1.264.545.495
Khác	2.285.750.472	2.006.701.058
	7.730.611.412	6.757.119.326
(b) Phải thu dài hạn khác		
Kỳ quỹ, kỳ cược	1.313.165.042	1.138.875.200

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

8 NỢ QUÁ HẠN

	2018			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Tuệ Việt	2.386.917.117	-	(2.386.917.117)	Trên 3 năm
Swe Myint Aung	2.461.705.385	-	(2.461.705.385)	Trên 3 năm
Khác	13.556.577.971	10.883.441.630	(2.673.136.341)	
	18.405.200.473	10.883.441.630	(7.521.758.843)	

	2017			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Swe Myint Aung	2.453.048.837	735.914.652	(1.717.134.185)	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Tuệ Việt	2.386.917.117	-	(2.386.917.117)	Trên 3 năm
Arsha Ther International Co., Ltd	2.055.310.260	1.248.892.657	(806.417.603)	Từ 1 năm đến 2 năm
Khác	4.029.670.777	1.633.922.445	(2.395.748.332)	
	10.924.946.991	3.618.729.754	(7.306.217.237)	

9 HÀNG TỒN KHO

	2018		2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	63.721.096.553	(1.004.916.596)	21.891.345.578	(1.341.430.923)
Nguyên vật liệu	36.052.729.318	-	20.974.117.630	-
Hàng hóa	22.370.598.226	(8.834.294.069)	14.319.046.202	(4.525.166.621)
Công cụ, dụng cụ	1.740.861.911	-	3.635.317.856	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.303.761.233	-	913.342.254	-
Hàng mua đang đi đường	217.151.900	-	990.990.000	-
	125.406.169.141	(9.839.210.665)	62.724.159.520	(5.866.597.544)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	5.866.597.544	4.903.455.051
Tăng dự phòng (Thuyết minh 27)	3.972.613.121	963.142.493
Số dư cuối năm	9.839.210.665	5.866.597.544

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	2018 VND	2017 VND
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.721.432.091	3.685.156.489
Chi phí sửa chữa và bảo trì	1.415.577.262	184.188.836
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	500.277.339	231.506.768
Chi phí mua bảo hiểm	1.633.237.129	128.376.761
Khác	7.270.523.821	4.229.228.854
(b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất	61.441.354.024	63.164.798.426
Chi phí sửa chữa và bảo trì	3.396.208.476	3.308.502.202
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.290.678.775	736.965.069
Chi phí thuê phần mềm	720.289.178	1.178.607.869
Chi phí nghiên cứu và phát triển sản phẩm	2.221.313.633	1.059.669.500
	69.069.844.086	69.448.542.866

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	69.448.542.866	40.133.981.120
Tăng trong năm	5.302.080.054	32.303.071.001
Phân bổ trong năm	(5.680.778.834)	(2.988.509.255)
	69.069.844.086	69.448.542.866

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	56.440.452.234	181.649.336.950	8.700.138.049	1.972.474.791	248.762.402.024
Mua trong năm	4.177.231.360	1.271.281.818	-	205.615.363	5.654.128.541
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	29.174.767.384	49.997.596.322	-	41.260.000	79.213.623.706
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.038.897.366)	(118.000.088)	-	(7.156.897.454)
Khác	-	-	-	(295.885.644)	(295.885.644)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	89.792.450.978	225.879.317.724	8.582.137.961	1.923.464.510	326.177.371.173
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	29.915.663.646	144.585.366.265	7.484.348.953	1.827.339.058	183.812.717.922
Khấu hao trong năm	3.501.188.814	9.807.905.875	522.750.246	121.171.250	13.953.016.185
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.271.895.468)	(118.000.088)	-	(1.389.895.556)
Khác	-	-	-	(295.885.644)	(295.885.644)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	33.416.852.460	153.121.376.672	7.889.099.111	1.652.624.664	196.079.952.907
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	26.524.788.588	37.063.970.685	1.215.789.096	145.135.733	64.949.684.102
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	56.375.598.516	72.757.941.052	693.038.850	270.839.846	130.097.416.266

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 139 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 131 tỷ đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định với tổng giá trị còn lại là 30 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 27 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng (Thuyết minh 19).

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc thiết bị VND

Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	18.877.508.096
Thuê mới trong năm	5.281.510.352
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	24.159.018.448
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	5.852.053.144
Khấu hao trong năm	2.823.997.099
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	8.676.050.243
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	13.025

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.728.847.384	1.478.207.238	4.207.054.622
Mua trong năm	-	417.840.000	417.840.000
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 12)	-	73.400.000	73.400.0
Giảm Khác	-	295.885.644	295.885.6
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.728.847.384	2.265.332.882	4.994.180.2
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.728.847.384	641.507.039	3.370.354.4
Khấu hao trong năm	-	349.490.269	349.490.2
Khác	-	295.885.644	295.885.6
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.728.847.384	1.286.882.952	4.015.730.3
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	836.700.199	836.700.1
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	978.449.930	978.449.9
Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn dùng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị là 3,2 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2,9 tỷ đồng).			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, TSCĐ vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất với nguyên giá là 2,7 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 19).			

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu bao gồm khoản doanh thu nhận trước tương ứng với giá trị hàng hóa khuyến mãi cho nhà phân phối trong chương trình khách hàng truyền thống.

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 23)	17.499.612.250	26.315.864.135
Thu lao Hội đồng Quản trị	1.093.800.000	1.911.261.429
Khác	842.249.502	623.398.856
	19.435.661.752	28.850.524.420
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	17.948.229.050	25.538.189.289
Bên thứ ba	1.487.432.702	3.312.335.131
	19.435.661.752	28.850.524.420

19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng (*)	50.963.050.001	183.858.129.758	(122.409.372.750)	112.411.807.009
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	666.666.355	-	(666.666.355)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 1 năm (**)	4.180.987.917	3.147.787.702	(4.310.226.497)	3.018.549.122
	55.810.704.273	187.005.917.460	(127.386.285.602)	115.430.356.131
Dài hạn				
Nợ thuê tài chính từ 1 năm đến 5 năm (**)	1.792.200.046	4.066.762.970	(3.373.718.952)	2.485.244.064

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	56.866.230.528	14.187.599.175
Tăng trong năm	64.121.856.783	53.901.750.521
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(79.213.623.706)	(11.223.119.168)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11(c))	(73.400.000)	-
Số dư cuối năm	41.701.063.605	56.866.230.528

13 TÀI SẢN THUÊ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuê thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

	2018 VND	2017 VND
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	602.844.890	75.320.175
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	4.534.346.883	5.155.657.900
	5.137.191.773	5.230.978.075

Biến động của tài sản thuê thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	5.230.978.075	5.298.940.813
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 32)	(93.786.302)	534.290.282
Khác	-	(602.253.020)
Số dư cuối năm	5.137.191.773	5.230.978.075

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ của các khoản dự phòng, chi phí phải trả ngắn hạn và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2018 VND	2017 VND
Bên thứ ba	38.733.465.254	18.596.050.027
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành	1.465.200.000	-
Khác	37.268.265.254	18.596.050.027
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	4.606.852.224	684.510.865
	43.340.317.478	19.280.560.892

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

15 THUÊ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
a) Phải thu				
Thuế nhập khẩu	1.181.993	-	-	1.181.993
Thuế GTGT	28.946.744.433	69.986.056.929	(44.083.562.187)	54.849.239.175
	28.947.926.426	69.986.056.929	(44.083.562.187)	54.850.421.168
b) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nội địa	142.379.758	20.420.908.674	(20.285.862.669)	277.425.763
Thuế thu nhập cá nhân	571.676.610	3.232.958.386	(3.452.134.297)	352.500.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.348.011.941	10.507.529.060	(14.056.538.809)	4.799.002.192
	9.062.068.309	34.161.396.120	(37.794.535.775)	5.428.928.654

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2018 VND	2017 VND
Chi phí khuyến mãi	6.784.945.498	15.266.089.810
Thu lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.500.000.000	3.100.000.000
Khác	1.163.334.832	559.639.573
	11.448.280.330	18.925.729.383

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Mẫu số B 09 – DN

19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

	2018 VND	2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (i)	18.024.874.410	10.715.150.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (ii)	94.386.932.599	40.247.900.001
	112.411.807.009	50.963.050.001

(i) Khoản vay có hạn mức 100 tỷ đồng và được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Chi nhánh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 7,3 tỷ đồng và 5 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Chi nhánh với giá trị ghi sổ lần lượt là 7,9 tỷ đồng và 5,1 tỷ đồng).

(ii) Khoản vay này có hạn mức là 150 tỷ đồng và được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 18,3 tỷ đồng và 27,5 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất thuộc Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ lần lượt là 1,2 tỷ đồng và 2,7 tỷ đồng).

(**) Chi tiết nợ thuế tài chính như sau:

2018		
Tổng nợ thuế tài chính VND	Chi phí lãi VND	Nợ gốc VND
		122.064.186

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Mẫu số B 09 – DN

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	16.340.000	163.400.000.000
Cổ phiếu mới phát hành (*)	4.200.000	42.000.000.000
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	20.540.000	205.400.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	6.826.476	68.264.760.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	27.366.476	273.664.760.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	27.366.476	273.664.760.000

(*) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 31/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 6 năm 2016 và Báo cáo kết quả chào bán của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ngày 15 tháng 9 năm 2016. Công ty đã phát hành 4.200.000 cổ phiếu phổ thông ra công chúng, tương đương 42 tỷ đồng vốn cổ phần, với giá chào bán là 33.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số tiền huy động được sau khi trừ các chi phí phát hành là 135.625.673.463 đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng toàn bộ vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên như sau:

	Số vốn đã sử dụng VND
Mua sắm máy móc, thiết bị	56.000.000.000
Xây dựng nhà máy	28.952.577.061
Thuê đất xây dựng nhà máy	28.001.042.700
Bổ sung vốn lưu động	22.672.053.702
	135.625.673.463

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	5.654.753.808	-
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh 22)	2.613.593.406	5.654.753.808
Số dư cuối năm	8.268.347.214	5.654.753.808

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2018 Cổ phiếu phổ thông	2017 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	27.366.476	27.366.476
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	27.366.476 (60.000)	27.366.476 (60.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.306.476	27.306.476

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2018		2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam (trước đây là "Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh")	17.902.909	65,4%	17.902.909	65,4%
Khác	9.463.567	34,6%	9.463.567	34,6%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	27.366.476	100%	27.366.476	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	205.400.000.000	94.625.673.463	(600.000.000)	14.907.569.048
Tăng vốn trong năm	68.264.760.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	273.664.760.000	94.625.673.463	(600.000.000)	14.907.569.048
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-
Cổ tức công bố (Thuyết minh 23) (**)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 20) (**)	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	273.664.760.000	94.625.673.463	(600.000.000)	14.907.569.048

(*) Ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty chuyển đổi tiền tệ kế toán từ đô la Mỹ ("USD") sang Việt Nam Đồng ("VND") phù hợp với các yêu cầu của Thông tư số 244/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Theo đó, tất cả các số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được chuyển đổi sang VND theo tỉ giá 21.036 VND bằng 1 USD. Vốn cổ phần đã được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 14.907.569.048 đồng được trình bày như khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.

(**) Thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ.ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

23 CỔ TỨC

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	26.315.864.135	1.779.969.660
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 22)	40.959.714.000	139.944.760.000
Cổ tức đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(68.264.760.000)
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(49.775.965.885)	(46.149.476.550)
Điều chỉnh khác	-	(994.628.975)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 18)	17.499.612.250	26.315.864.135

24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2018	2017
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	52.271.868.119	113.095.076.166
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.613.593.406)	(5.654.753.808)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	49.658.274.713	107.440.322.358
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	27.306.476	20.667.027
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.819	5.199

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2018 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ.ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lên lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) **Ngoại tệ**
Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 1.822.146 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 791.482,96 Đô la Mỹ).

(b) **Tài sản thuê hoạt động**
Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 36.

26 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	470.041.419.300	525.022.966.839
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(79.912.542)	(198.390.911)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	469.961.506.758	524.824.575.928

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	292.471.423.350	301.884.210.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.079.210.154	2.089.410.000
Giá vốn hàng bán	294.550.633.504	303.973.620.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Chi nhánh 2 của Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm đầu tiên và được giảm 50% trong 4 năm tiếp theo, tính từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động (tháng 6 năm 2014) cho hoạt động sản xuất sợi PE, sợi PP, sợi thừng bền đối với sản lượng đến 990 tấn/năm và thuế suất phổ thông áp dụng cho sản lượng vượt 990 tấn/năm. Đối với hoạt động thương mại và các hoạt động khác, Chi nhánh 2 có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất phổ thông được áp dụng.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.873.183.481	129.815.832.963
Thuế tính ở thuế suất 20%	12.574.636.696	25.963.166.590
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(141.842.743)
Chi phí không được khấu trừ	359.274.434	1.042.895.028
Thuế được giảm	(4.374.757.602)	(10.276.694.485)
Dự phòng thiếu của năm trước	-	133.232.407
Khác	2.042.161.834	-
Chi phí thuế TNDN (*)	10.601.315.362	16.720.756.797
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN hiện hành	10.507.529.060	17.255.047.079
Thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 13)	93.786.302	(534.290.282)
	10.601.315.362	16.720.756.797

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền vay	4.415.531.398	5.588.067.523
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.119.698.471	(388.012.197)
Lỗ do bán các khoản đầu tư tài chính	479.681.872	375.650.965
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	356.449.962	102.593.313
Khác	1.369.692	403.811
	6.372.731.395	5.678.703.914

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018 VND	2017 VND
Chi phí khuyến mãi	27.434.855.213	20.059.475.000
Chi phí nhân viên	6.180.099.937	4.772.054.000
Chi phí vận chuyển	2.435.132.513	4.002.431.000
Chi phí nghiên cứu thị trường	1.808.891.500	1.829.669.000
Chi phí công tác	482.095.224	726.212.000
Khác	7.454.165.819	8.444.818.000
	45.795.240.206	39.834.662.000

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	26.948.497.905	21.089.634.000
Chi phí thuê	3.551.159.054	3.324.807.000
Chi phí dụng cụ văn phòng	2.615.299.416	1.684.072.000
Chi phí dịch vụ chuyên môn	2.151.992.640	1.976.706.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.786.239.720	1.622.893.000
	37.053.188.735	33.707.036.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	191.140.831.885	116.529.282.709
Chi phí nhân viên	87.931.110.973	75.944.709.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.926.535.367	30.253.399.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.126.503.553	20.425.697.515
Chi phí khác	84.594.946.859	63.295.315.257
	414.719.928.637	306.448.404.841

34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	2018 VND	2017 VND
Số tiền thực thu theo kế ước thông thường	183.858.129.758	95.374.169.375
Số tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	123.076.039.105	171.411.160.703

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam do chiếm 65,4% vốn cổ phần của Công ty (Thuyết minh 21(b)).

Cửa hàng Ngọc Tỷ và Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái được sở hữu bởi 2 thành viên Hội đồng Quản trị, không còn là bên liên quan kể từ ngày 7 tháng 5 năm 2018 do các thành viên này đã được miễn nhiệm trong năm.

(a) **Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng		
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	-	59.109.091
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp sinh thái Siam	3.559.508.455	7.539.909.566
Công ty Cổ phần VFD	4.363.632	7.272.728
	3.563.872.087	7.606.291.385

Tổng doanh thu bán hàng cho Cửa hàng Ngọc Tỷ và Công ty TNHH Thương mại Nghĩa Thái (bên liên quan trước đây) trong năm 2018 là 203 tỷ đồng (2017: 262 tỷ đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM Mẫu số B 09 – DN

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) **Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2018 VND	2017 VND
Mua hàng hóa		
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	4.221.801.291	365.818.184
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	2.048.351.435	2.770.389.569
Công ty Cổ phần VFD	185.427.065	-
	6.455.579.791	3.136.207.753
Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	2.979.166.660	5.350.021.800
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	1.196.672.728	493.585.273
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	606.375.536	677.361.089
Công ty TNHH ITMS	501.818.184	125.454.546
Công ty Cổ phần VFD	212.900.819	-
	5.496.933.927	6.646.422.708
Mua tài sản cố định		
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	53.255.872.944	26.311.888.392
Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	7.133.858.548	3.411.653.573

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2018 VND	2017 VND
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)		
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	16.854.363.500	20.342.195.160
Ông Itthapat Sawatyanon - Thành viên	1.093.800.000	1.686.480.000
Ông Veerapong Sawatyanon - Chủ tịch	-	2.504.781.429
Khác	65.550	1.004.732.700
	<u>17.948.229.050</u>	<u>25.538.189.289</u>

36 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Thuê văn phòng và thuê xe	
	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	3.689.372.793	2.753.573.535
Từ 1 đến 5 năm	1.095.683.775	2.614.872
	<u>4.785.056.568</u>	<u>2.756.188.407</u>

lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2018 VND	2017 VND
	<u>34.511.406.768</u>	<u>560.868.002</u>

40

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2018 VND	2017 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	45.512.800	68.712.800
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp sinh thái Siam	11.413.914.445	7.916.905.045
	<u>11.459.427.245</u>	<u>7.985.617.845</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)

Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	20.721.435.609	29.468.530.105
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	3.394.593.943	1.072.288.921
	<u>24.116.029.552</u>	<u>30.540.819.026</u>

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))

Bà Ngô Từ Đông Khanh - Thành viên	2.206.840.551	1.849.415.496
Ông Veerapong Sawatyanon - Chủ tịch	1.057.368.705	1.057.368.705
Ông Fan Weng Kee - Tổng Giám đốc trước đây	-	579.088.572
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	189.803.250	-
	<u>3.454.012.506</u>	<u>3.485.872.773</u>

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)

Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	-	396.793.980
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp sinh thái Siam	3.111.676.420	204.082.796
Công ty Cổ phần VFD	1.320.965.984	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	171.857.520	83.634.089
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	2.352.300	-
	<u>4.606.852.224</u>	<u>684.510.865</u>